

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

Hồi Ký
CỦA PHỔ SƯ
THƯỢNG VINH THANH
TRẦN QUANG VINH
ĐẠO HIỆU HIỂN-TRUNG
[1972]

TÀI LIỆU SƯU TẦM
2013

Ebook được làm theo **ẤN-BẢN** phổ biến trên Website của **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 09/09/2013

Tâm Nguyên

HỒI KÝ
CỦA PHỐI SƯ
THƯỢNG VINH THANH
[TRẦN QUANG VINH]
ĐẠO HIỆU HIỂN-TRUNG
[1972]

MỤC LỤC

❖ HỒI KÝ CỦA PHỐI SƯ THƯỢNG VINH THANH.....	9
▪ LỜI NÓI ĐẦU.....	11
▪ THỜI KỲ GIÁO SƯ ĐẠI BIỂU ĐẠO CAO ĐÀI TRẦN QUANG VINH BỊ VIỆT MINH BẮT TẠI BÌNH ĐIỀN (CHỢ LỚN) ..	15
I. BỊ BẮT TẠI BÌNH ĐIỀN Ngày 9-10-1945 (âl. 4-9 Ất Dậu).....	15
II. PHÁ KHÁM THOÁT NẠN VIỆT-MINH Ngày 26-01-1946 (âl. 24-12 Ất Dậu).....	28
III. GIAI ĐOẠN TRỞ VỀ SAIGON	36
Tai Nạn Tại Bót Hòa-Hảo Trong Kinh Cái Xăng ..	40
Nạn Thứ Nhì Tại Láng Sen Trong Kinh Cái Xăng ..	42
Về Đến Sadéc Và Mỹ Tho	44
Giáo Sư Đại-Biểu Về Đến Saigon.....	46
▪ THỜI KỲ GIÁO SƯ ĐẠI BIỂU ĐẠO CAO ĐÀI TRẦN QUANG VINH BỊ CÔNG AN PHÁP BẮT TẠI SAIGON TỪ NGÀY 8 TỚI 30 MAI 1946 (22 NGÀY)	49
▪ THỜI KỲ ÔNG PHỐI SƯ THƯỢNG VINH THANH BỊ THIẾU TƯỚNG LIÊN MINH TRỊNH MINH THỂ BẮT GIAM TẠI NÚI BÀ TỪ NGÀY 1-11-1953 ĐẾN NGÀY 18-4-1954.	63
▪ NHỮNG NÉT “THẮNG TRẮM” TRONG ĐỜI HÀNH ĐẠO	77
BẢN TUYÊN NGÔN	83
TÌNH HÌNH PHÍA NGOÀI TÒA THÁNH	88
PHỐI SƯ ĐẮC NHIỆM	93
LÝ LÊ CỦA NGÀI HIẾN PHÁP	95
LÝ LÊ CỦA BA VỊ CHÁNH PHỐI SƯ.....	95
NHẬN ĐỊNH VỀ SỰ TỔN VONG CỦA NỀN ĐẠI ĐẠO	101

I. Trường Tôn	101
II. Vong Bồn	102
Kết Luận	104
LÝ LỊCH VỀ PHẦN ĐẠO	105
Khổ Hạnh Vì Đạo	106
Công Nghiệp Tại Hội Thánh Ngoại Giáo	106
Phổ Thông Ngoại Quốc	107
Công Nghiệp Tại Tòa Thánh Tây Ninh	108
LÝ LỊCH VỀ PHẦN ĐỒI	110



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

HỘI KÝ CỦA PHỐI SỰ
THƯỢNG VINH THANH

LỜI NÓI ĐẦU

Thời kỳ Giáo sư Đại Biểu Cao Đài Trần Quang Vinh bị bắt tại
Bình Điền (Chợ Lớn)

Giai đoạn ông Giáo Sư Đại Biểu TRẦN QUANG VINH bị Việt-Minh Cộng Sản bắt đã tường thuật trong quyển “*LỊCH SỬ ĐẠO CAO-ĐÀI TRONG THỜI KỲ PHỤC-QUỐC*” từ năm 1941 đến năm 1946.

Trong bài “*HỒI KÝ*” này, tác giả thuật rõ về chi tiết cuộc biến chuyển mà trong quyển “*LỊCH SỬ*” không thể kể ra cho hết, nhưng cũng có lúc trùng hợp với những đoạn đã viết rồi, để chư độc giả có ý thức liên tục những gì đã xảy ra.

Về danh từ chánh thức là “*Giáo Sư Đại Biểu*”, nhưng cũng lắm khi dùng suông là ông Đại Biểu, ông Trần để tóm tắt câu văn cho gọn. Danh từ ông Trần hoặc anh Trần là do nơi sự giao thiệp về mặt đời, mặt xã giao mà trong hàng anh em trí thức, chư tín hữu Cao-Đài, cho tới các nhân viên trong hàng tổ chức Quốc-Gia Tự-Vệ-Cuộc Việt-Minh đều tặng cho để tránh kêu đích danh theo tục lệ cổ truyền (cũ kêu tên).

Tác giả ghi chép nơi đây hết sức trung thực những tai nạn xảy ra cực kỳ nghiêm trọng và nguy hiểm đến tánh mạng. Các nhà Cách-Mạng xưa kia vì thương nước, yêu nòi, khi lỡ bước sa cơ, thì cũng phải chung chịu một tấn tuồng tương tự.

Chư độc giả muốn biết chi tiết rõ ràng về thời kỳ cách mạng 1941-1946 của chư tín hữu Cao-Đài, tác giả

xin giới thiệu quyển: “*LỊCH SỬ ĐẠO CAO ĐÀI TRONG THỜI KỲ PHỤC QUỐC 1941-1946*” do ông Nguyễn Thanh Danh, Bí Thư Trưởng của ông Giáo Sư Đại Biểu Đạo Cao-Đài lược thuật.

Tòa Thánh Tây Ninh, ngày rằm tháng hai năm Nhâm Tý

(dl. 29 Mars 1972)

TRẦN QUANG VINH

Đạo hiệu HIỂN TRUNG

HỒI KÝ
Của Phối Sư THUẬN VINH THANH
TRẦN QUANG VINH
Đạo hiệu HIỂN TRUNG

HỒI KÝ này phân ra làm bốn thời kỳ:

- TAI NẠN VIỆT-MINH
Bị bắt tại Bình-Điền (Chợ Lớn) ngày 09-10-1945
- TAI NẠN CÔNG-AN PHÁP
Bị bắt tại xóm Minh-Phụng (Chợ Lớn) ngày
08-05-1946
- TAI NẠN LIÊN-MINH
Bị bắt tại tư gia ở Tây Ninh ngày 01-11-1953
- NHỮNG NÉT THẮNG TRẮM trong đời hành
đạo

THỜI KỲ GIÁO SƯ ĐẠI BIỂU ĐẠO CAO ĐÀI TRẦN QUANG VINH BỊ VIỆT MINH BẮT TẠI BÌNH ĐIỀN (CHỢ LỚN)

1. Bị bắt tại Bình Điền ngày 9-10-1945 (âl. 4-9 Ất Dậu).
2. Phá khám thoát nạn Việt Minh ngày 26-1-1946 (24-12 Ất Dậu).
3. Trở về tới Saigon ngày 11-2-1946 (âl. 10-1 Bính Tuất).

I. BỊ BẮT TẠI BÌNH ĐIỀN

Ngày 9-10-1945 (âl. 4-9 Ất Dậu)

Tại Saigon, ngày 9-10-1945, Giáo sư Đại Biểu Trần Quang Vinh, nhân dịp đưa gia đình về Sadéc, sẽ đi thị sát các tỉnh miền Tây, nơi những vùng có đóng binh Cao-Đài. Lối 9 giờ sớm mai, xe hơi do Giáo Sư Đại Biểu lái, gần tới cầu Bình Điền (cách Saigon lối 15 cây số) thì có bót Việt-Minh chặn lại xét hỏi, mặc dầu có đủ giấy tờ, nhưng vẫn bị bắt luôn cả xe và gia quyến đem vào Chợ Đệm là nơi có một khám đường đã giam giữ trên hai trăm dân lành, toàn là người đi đường bộ tản cư.

Ông Đại Biểu Trần Quang Vinh bị giam liền vào khám, còn gia quyến thì ở tạm giữa nhà lồng chợ, xe hơi hiệu Chrysler còn mới bị tịch thu, vợ con ông cô thân, ở tạm nơi đây được vài ngày thì may đâu có ông bạn Nguyễn Hữu Thuần lúc ấy còn thân thiện với Ủy Ban Hành Chánh

Việt-Minh, đến Chợ Đệm có việc riêng, ông bèn ra tay tế độ, đùm chở tất cả gia đình của ông Đại Biểu về Sadéc. Nhờ ông có đủ giấy tờ bằng chứng, nên đi đường bình yên, ông đưa về tới tận nhà.

Còn phần ông Đại Biểu thì khi vào khám, nhân viên lục xét túi lấy số tiền của ông là ba ngàn đồng, nhưng còn chừa lại ít trăm bạc lẻ, nói để giữ dùm, nhưng họ lấy luôn, không hề trả lại.

Tại khám tạm ở Chợ Đệm đóng trong một nhà ngôi sung công, trong những người bị giam thì thấy có anh em quen lớn như ông Vũ Tam Anh, ông Nguyễn Thanh Cường (Phú Hữu), ông Thế, bạn học thuở nhỏ tại Long Xuyên, ông Diệp, và ba đứa con ông Bùi Quang Chiêu là Bác Sĩ Louis Bùi, em Minh và em Diệu.

Sáng hôm sau 10-10-1945, mật vụ Việt-Minh lùng soát trong vùng Phú Lâm, bắt ông Hồ Văn Ngà đem xuống Chợ Đệm nhốt vào khám.

Mỗi ngày cho ăn uống no đủ, lại có Bác Sĩ lại khám bệnh mỗi buổi sáng. Vị Bác Sĩ này là ông Lê Văn Cầm, có bà con với ông Đại Biểu, nhưng vì sợ Việt-Minh làm khó, nên không dám nhìn nhau. Ông Bác Sĩ bị Việt-Minh bắt cóc tại Chợ Lớn, đem về phụng sự cho họ tại đây, chứ không có tội tình chi.

Giam tại đây lối một tuần lễ, thám tử Việt-Minh cho hay rằng Tây sắp lan tràn xuống Chợ Đệm. Ở trong khám nhìn qua khe cửa, nhận thấy nhân viên nói nhỏ với nhau một cách bí mật và sửa soạn một mớ giấy lược (giấy dờ). Một lát sau họ mở cửa đem tù nhân ra, trời thúc ké mỗi người, dẫn hết xuống một chiếc ghe lớn, lìa bến hướng

về một rạch nhỏ, đi xa độ vài cây số, ghe ghé lại một nơi mà mấy hôm trước có giam một số tù nhân khác (cũng là dân đi tị nạn bị bắt dọc đường) mà họ đã dời đi khỏi nơi này, trong ấy có ông Lê Thành Tường.

Nơi đây các tù nhân bị tạm giữ hai ngày, đợi lệnh ông Nguyễn Văn Trấn là Ủy Viên cao cấp của Việt-Minh và Ủy Ban Tự Vệ Cuộc quyết định coi phải đem đi nơi nào nữa.

Di Chuyển Tù Nhân Về Làng Bình Hòa (Gia Định).
Ngày hôm sau, có một chiếc tàu sà lúp đến kéo ghe tù nhân đi, từ trưa đến khuya thì đến làng Bình Hòa (Gia Định), giữa một đồng trống mênh mông, trong một rạch nhỏ ghe vô không được, nên phải đậu ngoài vàm, rồi Việt-Minh dẫn tất cả tù nhân đi bộ, dọc theo mé rạch, ngang qua một cái mương nhỏ có cầu, chỉ có vài tấm ván kết lại, vì sức nặng của nhiều người nối đuôi đi, cầu sập, mấy người đang đi giữa cầu đều bị rớt xuống nước, ướt cả mình, rũi thay, trong ấy có cả ông Đại Biểu nữa. Đi một đôi nữa, đến một kho lúa trống, họ dẫn tù nhân vào nhốt nằm đờ dưới đất cho tới sáng. Trong kho, họ tạm để một cái khạp da bò, cho trên hai trăm người tiêu tiểu. Sáng ra, và chiều lại, họ buộc ông Phủ Hoài (bị bắt ở Tân An) và một số ông Đội của Pháp hồi trước (quên tên) khiêng khạp phân đi đổ, chớ không sai người khác.

Di Chuyển Tù Nhân Đến Rạch Hàm Vô (Chợ Cậu Mười Bảy)

Ở kho lúa Bình Hòa một tuần lễ, họ lại di chuyển nữa, chuyến này họ chở tới kho lúa của Hội Đồng Sầm, tại rạch Hàm Vô, cách chợ Cậu Mười Bảy khoảng bốn cây số ngàn, ở đây hơi lâu cỡ 40 ngày. Mỗi buổi sáng lối 5 giờ, nhân viên đi chợ bằng xuồng để mua thức ăn và các

món cần thiết. Ăn uống lần lần cực khổ, vì nghe đâu mỗi tù nơn được phần ăn năm cắc bạc (0\$50) mà họ lại khấu trừ bớt để thêm vào phần ăn của nhân viên. Mỗi buổi sáng, họ ăn lót lòng ngon lành: nào bánh hỏi thịt quay, nào tôm nướng và các món ăn khác, còn tù nhân thì 11 giờ trưa mới được ăn.

Trong đám nhân viên họ có cảm tình với Anh Trần, Anh Hồ, Anh Vũ và từ đây họ chỉ kêu ba anh bằng Họ chứ không kêu bằng Tên. Đó là ba ông Trần Quang Vinh, Hồ Văn Ngà và Vũ Tam Anh. Cũng nhờ cảm tình ấy mà mỗi buổi sáng họ mở cửa khám cho ba anh ra ngoài làm việc. Anh Trần thì quét nhà, quét sân, Anh Hồ và Anh Vũ thì bửa củi; khi Anh Trần quét sân xong rồi phải lo chụm lửa, đun nước, và giúp kho cá nhỏ nhỏ, kho tộ, loại cá lòng tong, cá linh, cá thui, cá chốt, v.v... Kho cho nhân viên họ ăn, còn dư thời giờ thì tiếp tay bửa củi với hai bạn và hằng căn dặn hai bạn nên bửa củi chậm chậm, vì sợ bửa hết một đồng củi to tát rồi hết việc làm, họ không cho ra ngoài nữa mà nhốt trong khám như bao nhiêu người kia thì khổ thân nằm một chỗ. Lần lần cũng thành thói quen, cũng được nói chuyện với các nhân viên, nhờ đó mà gây thêm cảm tình, nên khi ra ngoài khám thì họ để cho thông thả trọn buổi sớm mai, đến khi ăn cơm rồi họ mới nhốt lại.

Một hôm trong buổi ăn lót lòng, có một nhân viên cầm một con tôm càng nướng, chấp tay sau lưng kêu bảo Anh Trần "*Anh Trần, ngó sau lưng tôi*". Anh Trần ngó thấy có con tôm nướng thì hiểu ý, làm bộ đi ngang qua, xớt con tôm nướng như điều xớt thịt, chạy lại xó bếp xin chút muối hột, rồi ăn con tôm ngon lành.

Còn một lần khác, các anh em nhân viên chung tính, nên cho ba anh Trần, Hồ và Vũ ăn một bữa sáng đặc biệt. Họ đem để phía sau vựa lúa, trên thêm, nào là bánh hỏi, nào là tôm càng nướng, rau cải, dưa leo và nước mắm. Họ nói nhỏ với Anh Trần là một lát nữa họ bảo ba anh ra quét phía sau vựa lúa và dọn dẹp cho sạch sẽ thì cứ đi rồi gặp đồ ăn thì cứ ăn. Tốt thay! Khi họ bảo ra quét dọn phía sau vựa lúa, thì ba anh em đã hiểu ý. Thật vậy, ra sau thì thấy đồ ăn đầy bàn nhưng còn dụ dự, thì có một anh nhân viên dễ thương nhất đứng chỗ góc vựa, ló đầu ra bảo nhỏ: *“Ba anh cứ ăn đi, vì đây là việc mà các nhân viên đã định như vậy, nhưng đừng cho anh em trong khám biết. Bí mật mà.”* Đó rồi Trần, Hồ, Vũ ráp lại ăn một bữa ngon hơn đi ăn cao lầu Chợ Lớn. Ăn xong lại có nước trà uống.

Nhân viên thấy ăn rồi, bèn làm bộ la lớn: *“Ba anh quét dọn gì lâu quá vậy, làm rút đi rồi có nghỉ chớ”*. Nói nghỉ chớ ba anh ra sân rồi cũng tiếp tục công việc thường nhật.

Lúc mới tới Hàm Vồ, thì hay tin đêm trước họ đã đem ông Bùi Quang Chiêu ra bắn tại chợ Cật Mười Bảy.

Lối 15 ngày sau, thì có lệnh của Ủy Ban Hành Chánh đóng tại Mỹ Tho, xử tử một bà vợ Tây cũng nhốt chung khám đó. Ông Phủ Hoài cũng bị xử tử, nguyên do là tại ông làm Phủ dưới trào Pháp thuộc. Tối lại, họ đem hai người ra chợ Cật Mười Bảy bắn chết.

Lúc bà vợ Tây bị giam chung với đám tù nhân thì bà tỏ vẻ hiền lành đạo đức. Bà lo chăm sóc cho mọi người rất chu đáo, cái chết của Bà làm cho anh em tù nhân, cho đến nhân viên Quốc Gia Tự Vệ Cuộc, thấy đều thương tiếc. Bà bị xử tử hình chỉ vì Bà là vợ Tây. Ông cai kho giữ gìn bầm lúa cho Hội Đồng Sầm là người có Đạo Cao-Đài, mặc

dầu ông biết có ông Giáo Sư Đại-Biểu trong đám tù nhân, nhưng ông cũng thận trọng, không dám trực tiếp chuyện trò với ông Đại-Biểu, thỉnh thoảng ông giúp đỡ thức ăn.

Còn tại chợ Cậu Mười Bảy, có Đạo Hữu Phan Đức Trọng len lỏi vào làm việc trong Ủy Ban Hành Chánh Quận để dò la tin tức của ông Giáo Sư Đại-Biểu. Có một lần, không biết làm thế nào mà đạo hữu Trọng gởi được cho ông cai kho một ống điếu hút thuốc lá, mượn trao cho Anh Trần, chừng đó mới ngã ngũ ra ông cai kho là đạo hữu Cao Đài.

Còn ít ngày nữa đám tù nhân sẽ bị di chuyển đi nơi khác.

Một hôm, tình cờ đạo hữu Lê Minh Cảnh, trước kia là cộng sự viên của ông Đại-Biểu, len lỏi đến thăm, người cũng nhờ ông cai kho báo tin. Thật sự vui mừng không tả hết được tác lòng, nhưng sự thăm viếng có hạn, chỉ nội một giờ rồi len lỏi trở về Saigon. Bị tù đày ở một nơi bí mật như thế mà có người đến thăm viếng thì còn gì hơn, bao nhiêu tù nhân kia sao không ai được hân hạnh như thế.

Trước một ngày dời chỗ giam, ông cai kho lại làm một bữa bánh xèo tôm, khoản đãi anh em trong khám, trong đó tất nhiên có Anh Trần, Anh Hồ, Anh Vũ và vài bạn nữa. Nhưng tiếc thay! bữa đó Anh Trần bị cảm, mặc dầu vậy chứ cũng đến ăn chấm chút ít và tạ ơn ông cai kho.

Qua ngày sau, tàu xà lúp kéo ghe tù nhân di chuyển, nhưng không biết họ chở mình đi đâu nữa đây.

Tính ra thì ở Hàm Vồ lối 40 ngày.

Di Chuyển Đám Tù Nhân Về Hướng Sadéc

Từ giã Hàm Vô, tàu kéo ghe tù nhân đi ngang qua chợ Cẩu Mười Bảy, lúc rạng đông, chạy dài theo kinh gầy, ra sông Cửu Long, cho đến khuya mới đến Châu Thành, Sadéc. Vì bị cây cầu quay, ban đêm tàu ghe không qua được, nên phải đậu lại bến để chờ sáng.

Lối 6 giờ sáng, cầu quay mở cho tàu ghe di chuyển. Qua khỏi cầu, đi một đôi chùng hai cây số ngàn, thì đi ngang qua nhà vợ con của ông Đại-Biểu. Ông Đại-Biểu ra phía sau lái ghe ngồi để dễ trông lên nhà lúc đi ngang, ngó lên bờ thì nhận ra đứa em gái tên Thơi đương bông bé Trần Quang Cảnh là con ông, bất ngờ cô Thơi ngó xuống sông nhưng cô không để ý nên không thấy ông, còn ông thì đưa tay ngoắc ngoắc. Lúc ấy lối 7 giờ sáng.

Trong lòng ông nao nao, ước ao nếu không bị nạn thì ông đã ghé nhà sum họp với vợ con. Nào dè đâu lòng hoài vọng được thành sự thật, đúng với câu “*Nhơn hữu thiện nguyện, Thiên tất tùng chi*”. Tàu dòng ghe đi một đôi nũa chùng vài cây số, thì đứt dây kéo ghe, ghe quay qua gần sát bờ, chỗ ấy gọi là Nàng Hai, nhân viên bèn ra lệnh cho tàu ghe ghé lại cập bờ, ngay một cái nhà ngói có sân rộng rãi, có bóng mát cây che, họ bèn cho tất cả tù nhân lên đó nghỉ, họ nói đợi tối sẽ đi, vì ban ngày sợ máy bay bắn. Thế là phải ở lại đó, hỏi ra thì nhà ấy là nhà của một người học trò cũ của anh Hồ Văn Ngà. Gia đình này hết sức tử tế, họ xin Nhân Viên Quốc Gia Tự Vệ Cuộc cho phép họ đãi tù nhân một bữa cơm trưa. Được chấp thuận, nên bữa cơm trưa có thịt cá rau cải đủ, mọi người đều ăn uống ngon lành. Họ lại dọn một mâm riêng đặc biệt cho ông Hồ Văn Ngà, ông Vũ Tam Anh, ông Trần Quang Vinh và 4 người bạn nữa ăn chung một mâm.

Ăn cơm xong, cỡ 12 giờ rưỡi, Anh Trần (từ đây gọi ông Đại-Biểu là Anh Trần) xuống bến rửa chân, gặp một chị đàn bà bơi xuống bán bánh tét, anh bèn kêu lại làm bộ hỏi mua, nhưng anh hỏi chị có biết nhà ông Giáo Nhiêu không (là nhạc gia của Anh Trần), chị nói biết, Anh Trần bảo: *“Thay vì chị bơi xuống đi bán, chị làm ơn đến nhà ông Giáo Nhiêu, nói với con của ông là cô Ba đem cho tôi 1.200 đồng bạc, tôi đền ơn chị 5 đồng, tôi trao trước cho chị đây”*. Chị chịu và bơi xuống đi báo tin liền. Độ chừng một giờ sau, vợ ông Trần bỗng con là bé Cảnh đi với em vợ ông là Tư Chà đến xin ông Trưởng Cuộc cho phép viếng Chồng là ông Trần. Được chấp thuận, nhưng không cho lại gần, phải ngồi xa cách nhau chừng 5 thước mà nói chuyện cho lớn. Thật khổ sở, gặp vợ con mừng quá mà không cho lại gần nhau, nhưng vợ ông cũng lanh, bảo bé Cảnh lúc đó 3 tuổi, cầm một ống thuốc Aspirine đem lại ba, bé Cảnh đi liền, nhân viên thấy vậy không rầy, nên bé Cảnh trở lại mẹ, cầm thêm thuốc điều và thuốc rê đem cho ba. Ba nó ôm nó vào lòng hun hít nựng nịu, làm cho các bạn đều cảm động.

Còn vụ 1.200 đồng bạc làm sao đưa? May thay, nhà vách ván, có lỗ trống phía vách, vợ ông Trần đi dài theo vách, tới lỗ vách làm bộ đứng lại, ông hiểu ý đi vào nhà, đến chỗ lỗ ván, vợ ông xuất kỳ bất ý thọc 1.200 bạc vào đó, thế là ông nhận được tiền mà không ai để ý.

Em vợ ông Trần, Tư Chà, và vợ ông xin phép Trưởng Cuộc cho phép đãi tù nhân buổi cơm chiều, được chấp thuận. Nên lối 6 giờ chiều, các anh em tù nhân được hưởng một bữa cơm nữa. Vì bất ngờ nên món ăn không nhiều nhưng có nhiều cá, nào kho, nào chiên, nào canh, v.v...

Đến 7 giờ tối, có lệnh dẫn tất cả tù nhân xuống ghe và kiểm điểm lại coi có sót ai không? Đếm lại thì đủ số.

Di Chuyển Tù Nhân Đến Bạc Liêu Và Gia Ray

Tàu dòng ghe tách bến, qua kinh Lấp Vò, đến Vàm Cống, băng qua Rạch Cái Xăng, đi suốt con kinh tới Rạch Giá, đi trên một con sông nhỏ, tàu dòng ghe chạy chậm, nên các xuồng buôn bánh và trái cây cập theo ghe mà bán. Thấy có xuồng bán khóm chất vung, Anh Trần mua một trăm trái khóm, giá chỉ có 4 đồng một trăm, để tự do cho anh em ăn chơi đỡ ngật.

Ra sông Ông Đốc, đi suốt ngày, trưa ghé tại Gò Quao lên bờ nấu cơm ăn, rồi tiếp tục đi nữa, đến vàm rạch chạy qua Bạc Liêu, đi nửa đường trời gần tối, ghé bờ một chập nữa và nấu cơm chiều. Ăn cơm xong, đi nữa, đến khuya thì có ba người tù nhân nhảy xuống sông, lội vào bờ chạy thoát, tàu ghe ngừng lại cho nhân viên lên bờ lùng bắt nhưng ba tù nhân đã cao bay xa chạy.

Tiếp tục đi, tới sáng đến chợ Bạc Liêu, nhân dân trên chợ nghe tuyên truyền là ghe chở Việt gian, nên bu lại đen nghệt đến gần ghe để xem. Một chập sau, ghe đi ngược theo sông Bạc Liêu trở ra hướng Bảy Xào, cách chừng vài cây số thì ghe tàu đậu lại chỗ có ghe chày lúa đồng đảo, mọi người đều chuyển qua ghe chày, lên bờ để nấu cơm. Lúc ghe di chuyển đi ngang nhà của ông Nội bà Nội ông Trần, nơi đây là quê bên nội, ông Trần rất nao nao tắc dạ nhớ lại thuở ấu xuân hằng ở nơi này.

Trưa lại ghe tách bến trở xuống Bạc Liêu, vào kinh đi Gia Ray. Chiều lại tới Gia Ray, ghe tàu đậu lại, dựa mé sông mà ngang đó có nhà thương do một người Bác Sĩ em

cô cậu ruột của ông Trần là Bác Sĩ Nguyễn Ngọc Nhuận làm trưởng Ty Y Tế. Tuy nhiên, ông Trần không biết làm sao viếng thăm em, mà cũng không dám thổ lộ cùng ai.

Tại Gia Ray, có những người muốn làm phước, xin với ông Trưởng Cuộc cho phép đãi tất cả tù nhân một bữa cơm, được chấp thuận nên họ gấp rút lo một bữa ăn ngon lành. Còn phần ông Trần, bữa ấy ông đau sốt, nên không ăn, họ bèn nấu cháo cho ông ăn với đường.

Tối lại, đám tù nhân bị di chuyển đem nhốt tạm một nơi khác, cách Gia Ray chừng vài cây số. Nơi này ở trong một con kinh phía ngoài Gia Ray, có mấy lùm lúa trống của một ông cựu Hội Đồng, phía trước lùm có một cái nhà cây ván cao căng lợp ngói, một người con trai của ông Hội Đồng ngoài 40 tuổi có vẻ sang trọng ở đó, có đủ tiện nghi.

Tàu ghe cập bến, tất cả tù nhân đều được dẫn ra phía sau nhà, phân ra ở mấy lùm lúa trống. Nơi đây có một người được tha, ông Trần bí mật viết một bức thư gửi cho người em làm Bác Sĩ tại Gia Ray để xin gửi thuốc uống và vài món đồ cần thiết. Nhưng thư đi thì có, chờ đợi hoài mà không thấy tin trả lời.

Ở lùm lúa này chừng 10 ngày, rồi di chuyển nữa.

Ghe tàu rời bến buổi chiều, trở ra Gia Ray, trực chỉ về hướng Cà Mau, đi theo con kinh Bạc Liêu – Cà Mau.

Đọc đường lối 10 giờ đêm thì thấy trên lộ có nhà thờ đèn đuốc sáng trưng, nhà nhà đều treo lồng kết tụi, mới nhớ lại đêm nay là lễ Chúa Giáng-Sinh (đêm Noel).

Đi một đôi nữa thì đến Họng Chàng Bè (giữa khoảng đường Gia Ray – Cà Mau), lúc ấy đã khuya. Muốn vào Họng Chàng Bè là một đồn điền của người Pháp đã bỏ

trống phải vào một cái rạch nhỏ rồi đi lối một cây số ngàn mới tới các kho lẫm của đồn điền. Nơi đây có nhiều kho rộng rãi, nên phân tù nhân ra cho ở ba kho. Chuyến này ở tạm nơi đây trót nửa tháng được thông thả. Mỗi ngày ông Trần qua các quán có bán thức ăn, café, la ve, nước ngọt, trước là uống café ăn hủ tiếu và cần yếu hơn hết là gặp người liên lạc của ông, hằng theo dõi để trông chừng ông một cách bí mật. Nhờ vậy mà ông được sự tiếp tế của người liên lạc rất châu đáo. May mắn là nhân viên không theo giữ ông, nên ông được tự do đi lại.

Trong thời gian ở Họng Chàng Bè thì có lệnh Ủy Ban Hành Chánh Việt-Minh trả tự do lại cho ông Hồ Văn Ngà, nhờ sự can thiệp của đám học trò cũ của ông. Các bạn đồng hoàn cảnh đều chúc mừng anh may mắn. Mặc dầu được trả tự do, nhưng không trở về Saigon được vì đường bộ, đường thủy đều nguy hiểm, nên Ủy Ban Tự Vệ Cuộc cho phép ông đi với họ xuống Cà Mau để cùng đi chung ghe với nhân viên Việt-Minh đương đi công tác khắp nơi, như vậy ông kể như nhân viên, được ăn uống sung sướng, tự do hơn cảnh tù đày.

Lúc từ giã nhau (28.12.1945), khi bắt tay ông Trần thì ông này tỏ vẻ bịn rịn, cầm sẵn trong lòng bàn tay một tấm giấy 100 trao qua tay ông Hồ một cách kín đáo nên không ai để ý. Ông Hồ ra đi, tất cả mọi người kể cả nhân viên hộ tống đều chúc lành cho ông. Thế là từ đây, ông Hồ tách khỏi khám đường để phiêu lưu nơi một chân trời vô định (nơi đoạn giữa sẽ thuật tiếp theo vụ ông Hồ Văn Ngà).

Chỉ một tuần lễ sau, thì có phái đoàn thanh tra của Ủy Ban Hành Chánh Việt-Minh đến, trong đó có ông Luật Sư Nguyễn Văn Đạm là bạn của ông Trần. Ông Trần

được phái đoàn mời hỏi xem cách cư xử của nhân viên như thế nào, được chu đáo không, ông Trần trả lời rằng tất cả nhân viên đối đãi với tù nhân đảng hoàng. Ông Luật Sư Đạm có để lời an ủi. Rồi hôm sau, phái đoàn đi nơi khác.

Đám Tù Nhân Di Chuyển Lần Cuối Cùng

Ba ngày sau, di chuyển về hướng Cà Mau. Chiều, ghe tàu đậu nghỉ ngơi tại bến chợ Cà Mau.

Sáng hôm sau, tiếp tục đi nữa, chuyến này họ định chở tù nhân để định cư một nơi thật xa Cà Mau, chỗ đó kêu là “*Thứ Mười Một*”.

Ra khỏi Cà Mau một đôi thì vào sông lớn, đi cho đến trưa, dọc đường ghé lại chỗ có một cái đình làng để nấu cơm.

Các tù nhân đều được thông thả, đi tới lui chuyện trò. Lúc ấy ông Trần đứng ngó xuống sông, thấy giữa dòng có một chiếc ghe hầu chỉ mũi chèo vào đình. Cũng tưởng là ghe làng xã thấy đông người ghé nghỉ, nào ngờ khi ghe đến gần bờ thì ông Trần nhận ra là ghe của ông Khâm Châu Đạo Giáo Hữu Ngọc Mỹ Thanh và bà Khâm Châu Hương Kiếm. Có lòng mừng thầm, nhưng không dám lại gần nói chuyện, mấy người dưới ghe lên bờ nghỉ ngơi, ông Trần ngó bà Hương Kiếm, lấy mắt làm dấu hiệu. Ông giả bộ bước vào một cái quán bán đồ tạp hóa kế bên, bà Hương Kiếm hiểu ý cũng bước vào quán, không để mất cơ hội, bà trao tay cho ông Trần một gói nho nhỏ, có khăn lông, khăn hỉ mũi và một số bạc, ông Trần nhận liền giắt vào lưng quần phía trước bụng. Lúc ấy có một nhân viên Việt-Minh cũng bước vào tiệm, dường như để xem chừng ông Trần, ông này giả bộ tự nhiên, ngó vào tủ hàng hỏi

giá món này món nọ, còn bà Hương Kiếm thì giả bước ra ngoài. Thế là lừa được một việc, nếu họ biết có liên lạc với nhau thì sanh ra lắm điều rắc rối. Đó rồi ghe hầu tách bến, ông Khâm Châu, bà Khâm Châu ngó ông Trần và tỏ dấu bịn rịn.

Tại sao tình cờ mà tái hội như thế này được? Sau biết lại, là ông Khâm Châu, bà Khâm Châu hay tin ghe tù nhân đi về hướng này nên đi kiếm, lúc kiếm gặp, tuy không tiếp xúc nhau bằng lời nói mà đã trao tặng món quà thì cũng có phần nào được mãn nguyện.

Sau bữa cơm trưa, tiếp tục ra đi cho tới chiều thì tới chỗ gọi là Miệt Thứ, nơi đây là Thứ Mười Một. Ghe tàu ghé bến tạm nghỉ đợi sáng hôm sau, thì di chuyển vào Kim Qui mà người ta hằng kêu là Kim Qui Đá Bạc.

Muốn vào Kim Qui thì phải đi theo một rạch nhỏ, hẹp, có nhiều nơi nước cạn, nhân viên phải bện quần đùi, ở trần, xuống rạch đẩy phụ, còn trên ghe thì có sào chống. Vì trở ngại như vậy mà khi đến Kim Qui đã trưa, tàu thì ở lại kinh Thứ Mười Một. Tất cả đều lên bờ nấu cơm.

Nói về Kim Qui là một nơi tuy ở hẻo lánh, nhưng rất trù phú, đông đúc dân cư, cũng có tiệm, có quán, có chợ nhỏ, cũng buôn bán đủ thứ.

Quốc Gia Tự Vệ Cuộc đến sung công hai ngôi nhà ngói ở kế nhau dựa một mé rạch, một nhà thì để nhất 230 người tù nhân, một nhà thì dùng cho lối 30 nhân viên của họ ở. Nơi đây là một nơi mà họ đã chọn sẵn để định cứ luôn đăm tù nhơn để đợi thời cuộc, chứ không dời đi đâu nữa.

Ban ngày họ thả lỏng tù nhân, ai có tiền muốn ăn

uống hay xài vật cũng được, không bị ngăn cấm, nhưng không được rời xa. Ngày hai bữa ăn cũng có cá thịt, cá nơi đây bán rẻ lắm. Dưới rạch thì, ôi thôi! cá trê là cá trê, mà toàn là cá trê xanh, ở đây không ai ăn thứ cá này. Cầu tiêu thì nhân dân cất dưới sông, mỗi khi có cục phân rớt xuống thì cá trê rộ lên dành mồi, nhiều không thể tưởng tượng, cá chen nhau con này tràn lên con kia vung lên khỏi mặt nước như một hòn non bộ. Còn khi có người xuống cầu rửa chơn, thì cá trê bu lên chơn, rũi bị ngạnh trê đâm thì nhức nhối. Tối lại, lối 7 giờ, đám tù nhân bị lừa vào nhà nhốt lại, sáng 7 giờ thì thả ra.

Nơi đây, địa thế hiểm trở, phía trước là rạch, phía sau là rừng tràm, nước mênh mông, tù nhân nào muốn trốn thì cũng khó bề trốn thoát.

Nhân Viên Quốc Gia Tự Vệ Cuộc chỉ canh gác ban đêm bao tứ phía nhà giam 4 cây súng. Tù nhân muốn tiêu tiểu thì được phép đi từng người ra ngõ sau, xong rồi trở vào, người khác mới được ra. Khỏi cái nạn tiêu tiểu trong khạp da bò, như lúc ở Bình Hòa. Lần lần thành thói quen, không hề có sự chi xảy ra.

II. PHÁ KHÁM THOÁT NẠN VIỆT-MINH

Ngày 26-01-1946 (âl. 24-12 Ất Dậu)

Bị giam tại Kim Qui từ đầu tháng chạp năm Ất Dậu (1945).

Đến ngày 23 tháng chạp Ất Dậu (25-1-1946) thì có tin mật của một nhân viên Tự Vệ Cuộc cho hay rằng có lệnh thủ tiêu các tù nhân bằng cách, hoặc là bỏ thuốc độc vào đồ ăn cho chết hết, hoặc là di chuyển họ ra một hòn đảo ngoài biển rồi bỏ họ đó cho chết đói, còn ghe tàu thì

trở về với các nhân viên.

Ông Vũ Tam Anh được tin này trước nhất và giữ bí mật cho tới tối mới bật mí cho mấy bạn thân là Anh Trần, Anh Tư (tên Tư), Anh Hồ, Anh Diệp và hai người bạn khác đã quên tên. Tất cả là 7 anh em, đợi lối 10 giờ đêm tù nhân ngủ hết, mới gom lại một chỗ mật tính với nhau và thức luôn tới sáng.

Anh Vũ Tam Anh khởi mào và luận rằng: “Việc đã tới mức, không lẽ để vậy mà chịu chết, theo ý anh thì nên thi hành kế hoạch giết cho được 4 cây súng của 4 người gác đêm, để giải thoát cho bao nhiêu sanh mạng, biết rằng bọn Việt-Minh chỉ có 7 cây súng, còn 3 cây thì nhân viên ngủ bên nhà kia giữ. Các bạn khác đồng một ý kiến và cho rằng: “Làm còn hy vọng sống, ngồi đó mà chờ thì chết hết”. Đây là kế hoạch của Vũ Tam Anh: chọn 4 người trong 7, ai có sức khỏe đủ đương đầu sức một với người cầm súng gác. Bốn người lực lưỡng là Vũ Tam Anh, Anh Hồ, Anh Tư và một người nữa quên tên.

Kế hoạch: 4 giờ sáng ngày 24 tháng chạp (26-1-1946) tức là ngày đưa Ông Táo, một người ra cửa sau, xin đi cầu (làm bộ vậy mà) rồi trở vô.

Phía trong nhà giam thì có ba người kia chực chờ phía trong cửa. Khi thấy người đi cầu vô tới cửa, thì một người bước ra, trước khi người kia vào. Thành ra có hai người ở phía ngoài cửa, người ở trong bước ra xuất kỳ bất ý quật ngã và ôm tên lính gác, anh kia nhảy vào trợ lực, cầm sẵn trong tay một khăn hỉ mũi nhét vào miệng tên lính, bóp cổ nghẹt thở, không la được một tiếng. Lấy được cây súng này rồi thì một người cầm súng đứng đó, ba người kia tủa ra một lượt ba chỗ lính gác, hai bên và trước nhà.

Bên phải, thì một anh giả bộ xin mỗi thuốc hút, rồi xuất kỳ bất ý tống tên lính một thoi nhào lăn, anh giựt súng rồi táng bá súng vào mặt tên lính, tên này bất tỉnh nằm đó, bị nhét khăn vào mồm luôn.

Bên trái, tên lính gác đường như đánh hơi có sự bất thường, thấy một anh đến gần bèn đưa súng bắn, thì lẹ như chớp, anh tù nhân đâm một dao ngay bụng, quy liễu, cũng bị nhét khăn vào họng.

Đồng thời, anh ra phía trước đi men lại anh lính, bất ngờ đâm anh này một dao té quy, không kịp la, cũng bị nhét khăn vào miệng.

Thế là đã thành công, hạ được bốn tên lính, trong chớp nhoáng, sáng ngày có ba tên coi mồi nguy kịch, trong ấy có một nhân viên hàng có cảm tình với Anh Trần, bèn kêu la rằng: “*Anh Trần ơi, làm sao cứu tôi*”. Ba nhân viên bị thương nặng, còn người lính gác cửa sau bất tỉnh nhân sự, nhưng khỏi chết. Có được mấy cây dao phay để đâm đó là nhờ lén vào nhà bếp đánh cắp được trong lúc bàn kế hoạch.

Đây là mới có bốn người, còn 29 nhân viên ngủ ở nhà kế bên, không hay biết chi ráo.

Phía tù nhân đã có 4 cây súng Mousqueton (thứ của Pháp), hiệp với ba người bạn có mặt bàn kế đêm hồi hôm, là bảy người, kéo qua nhà kế bên, bắn chỉ thiên một phát súng, rồi tông cửa cái sập xuống, bao nhiêu nhân viên đương ngủ, giựt mình thức dậy, nghe tiếng quát tháo của một anh Cách-Mạng bảo: “*Còn ba cây súng phải trao ra liền bằng không thì bắn nát óc tất cả*”. Nhân viên giữ súng sợ run, trao ba cây súng cho khỏi chết. Bảy anh cầm bảy

cây súng, ra lệnh cho bao nhiêu nhân viên rời khỏi nhà cho có trật tự, tất cả là 29 người, có một người trốn thoát được, đi về bộ đội Việt-Minh báo cáo. Bộ đội Việt-Minh đóng xa lắm, phải mất ba bốn ngày đường đi và trở lại.

Mấy anh Cách-Mạng bèn ra lệnh cho đám tù nhân đương hoảng hốt sợ sệt ra khỏi nhà giam, rồi dẫn hết thầy là 28 nhân viên vào ở tù thế, cũng canh gác nghiêm ngặt.

Ba người lính gác bị thương xem mòi nguy hiểm đến tánh mạng, có Bác Sĩ Louis Bùi (mới được giải thoát) xem thương tích: anh nhân viên tên Cao thì đổ ruột, hai anh lính kia thì cũng khó sống, mà nơi đây không có thuốc men chi hết, làm sao Bác Sĩ cứu được, chỉ lo băng bó vậy thôi rồi sau lại ba người bị chết hết.

Xong xuôi tất cả là 8 giờ, nhân dân ở lối xóm hay tin các nhà Cách-Mạng bị Việt-Minh bắt làm tù mà họ đã có cảm tình từ trước, họ rất mừng rỡ, đồng hè bơi xuống đem đồ ăn đến, cá, thịt, rau, cải, mà nhứt là cá nhiều hơn hết. Liền đó phía Cách-Mạng mới tổ chức cho mỗi người đều có phận sự làm, nào là canh gác, làm bếp, nào là lo phủ dụ dân chúng, đặt bài diễn văn cấp tốc, làm cờ, cắt đàn cây cho cao dựng để các nhà Cách-Mạng vừa được giải thoát đọc diễn văn.

Khổ nỗi, lúc ấy chưa có cờ Việt-Nam, anh em luận đàm rất lâu về màu sắc cây cờ phải thế nào? Anh Tư (tên Tư) bèn đưa ý kiến: "*Chúng ta nên tạm dùng cờ đảng của Việt Nam Quốc Dân Đảng, vì đảng này hoạt động rất mạnh cho dân cho nước!*" Ông Trần hỏi vậy Anh Tư còn nhớ màu sắc cây cờ làm sao chẳng? Anh Tư đáp còn nhớ và biết làm. Các nhà Cách-Mạng đồng ý tạm dùng lá cờ này và giao cho Anh Tư mua giấy màu tạm làm cờ Việt

Nam Quốc Dân Đảng.

Mọi việc làm cấp tốc, cái dàn cây, cao lối một thước rưỡi, cắm cờ Việt Nam Quốc Dân Đảng, đặt bài diễn văn, chuẩn bị đầu đó đều xong. Ông Trần hay tin bữa trước có Nguyễn Thành Phương xuống tới Kim Qui nên cậy một đạo hữu Cao-Đài đi kiểm, lối 9 giờ thì có ông Nguyễn Thành Phương đến, gặp nhau mừng rỡ. Dịp này tung ra chớp nhoáng, nhân dân và tín đồ Cao-Đài tụ họp rất đông, lại có cả Ban Trị Sự Cao-Đài Nam Nữ đến mừng Ông Giáo Sư Đại Biểu. Trong hàng tín đồ có rất nhiều quân lính Cao-Đài ở trong hàng Nội Ứng Nghĩa Bình được giải tán ở Saigon, nay đã trở về quê nhà.

Số Phận Anh Hồ Văn Ngà

Đến đây phải mở một dấu ngoặc nói về Anh Hồ Văn Ngà cho đúng giờ đúng lúc.

Ngày này, 24 Tết Ất Dậu (26-1-1946) đúng là ngày các nhà Cách-Mạng phá khám giải thoát cho hơn 200 người vô tội bị Việt-Minh bắt. Trong lúc anh em đương nhộn nhịp lo lễ chào cờ, thì bất ngờ, lúc 9 giờ, có tin cho hay rằng Việt-Minh giải vào khám Kim Qui anh Hồ Văn Ngà và 2 người thanh niên quốc tịch Pháp.

Nhắc lại từ lúc ở Họng Chàng Bè (28-12-1945), anh Hồ Văn Ngà nhờ đám môn sinh vận động cho Anh được trả tự do, nhưng nhằm lúc Tây đã lan tràn xuống miền Tây, không thể trở về Saigon được, nên Ủy Ban Hành Chánh Việt-Minh cho anh đi theo ghe nhân viên được thông thả để đợi thời cơ.

Đến bây giờ (26-1-1946), không hiểu tại nguyên do nào anh bị bắt dẫn trở lại Kim Qui. Đúng ngày giờ

anh đến Kim Qui thì đám Cách-Mạng đã phá khám vừa xong. Bọn Việt-Minh dẫn giải ông lơ bề, bèn lên bờ phía bên kia sông, bắn chỉ thiên một phát súng và kêu đám tù nhân vừa được giải thoát phải đầu hàng. Phía bên này sông, các nhà Cách-Mạng bắn trả lại ba tiếng súng, rồi đó hai bên chửi nhau, rồi cuộc thì bọn Việt-Minh vì có một cây súng đánh phải rút lui, chớ anh Ngà và hai tù nhân Pháp đi mất.

Đến sau mới hay tin Việt-Minh đã giết anh Hồ Văn Ngà.

Tại Tòa Thánh, năm 1950 tại Thanh Trước Đền có cầu cờ, anh Hồ Văn Ngà có giảng yêu cầu các bạn cầu siêu và làm tuần cửu cho anh. Anh cậy các bạn cho anh Hiến Trung đương làm Tổng Trưởng ở Saigon hay và xin anh một ngàn đồng bạc để lo tuần cửu.

Anh lại nói rõ rằng anh Vinh có tu nên thoát khỏi tai nạn, còn anh vô phần nên bị Việt-Minh giết chết thả thây tại Rạch Lá.

Đến đây tác giả xin đóng dấu ngoặc, tiếp tục nói về lễ chào cờ.

Đúng 10 giờ làm lễ chào cờ, có ca bản Thanh Niên Hành Khúc, cũng như bên Quốc Gia Tự Vệ Cuộc Việt-Minh, mỗi buổi sáng đều bắt đám tù nhân sắp hàng, chào lá cờ búa liềm của Cộng Sản và tất cả phải ca ăn nhịp bài Thanh Niên Hành Khúc.

Tiếp theo đó, ba nhà Cách-Mạng lên đài đọc diễn văn. Ông Trần Đại Biểu khởi màn để lời khuyên nhủ nhân dân trong tinh thần đạo giáo và cảm tạ lòng hảo tâm thiện cảm của đồng bào nơi đây. Kế tiếp, anh Vũ Tam Anh, rồi

anh Tư, mỗi người đọc một bài, đại ý là khuyến nhủ đồng bào phải theo chủ nghĩa quốc gia và lột trần âm mưu đen tối của Việt-Minh Cộng Sản.

Đến 11 giờ thì xong.

12 giờ, dọn cơm đãi tù nhân: tù nhân phen này là những nhân viên của Quốc Gia Tự Vệ Cuộc Việt-Minh. Lúc trước họ đối đãi tử tế với đám người không may lọt vào tay họ, nay đám Cách-Mạng phải đối đãi lại một cách rất chu đáo.

230 người được giải thoát, cũng được bá tánh nơi đây đãi đằng trọng hậu.

Phần ông Trần Đại Biểu, thì có Bàn Trị Sự Cao-Đài mời đãi cơm trưa tại nhà Bà Chánh Trị Sự sở tại. Dùng cơm xong, ông Trần bèn trở lại chỗ nhà giam để khuyến nhủ các anh em, vì đông quá, nên khuyên mỗi người tự tìm phương lẩn trốn, tránh Việt-Minh đang trở về các tỉnh khác.

Phần Nguyễn Thành Phương thì ông Đại-Biểu giao phó trách nhiệm phải bảo vệ các nhà Cách-Mạng trở về Saigon, trong đó có anh Vũ Tam Anh, anh Diệp, anh Hồ, anh Tư...

Xong rồi ông Trần Đại-Biểu trở lại nhà Bà Chánh Trị Sự, nơi đây đã có sẵn hai ông Lê Sanh Giêm và Nổ, với bốn người lính Nội Ứng Nghĩa Binh Cao-Đài, sẵn ghe lườn đưa ông ra một cái rạch, ngoài đầu rạch thì có nhà một Chức-Việc Cao-Đài, ghé lại nghỉ ngơi và dùng cơm chiều.

Cỡ 8 giờ tối, thay ghe đi xuống, có ông Lê Văn Giêm, ông Lê Văn Nổ và hai người lính Nội Ứng Nghĩa Binh,

xuống bằng qua một rừng tràm, nước ngập mênh mông, đi tới 12 giờ ra tới kinh, rồi đi dài theo kinh qua Tân Bằng, tới Tân Bằng lối 2 giờ khuya, lên đi bộ, nhờ có ông Giêm, ông Nổ là người gốc ở đây biết đường đi dẫn nhau đem ông Đại-Biểu gửi vào một nhà quen ở tuốt trong một con rạch xa xăm.

Ở nơi đây vừa được một ngày, thì anh em Cao-Đài đánh hơi thấy có một người dân ngó thấy và nghi đó là ông Trần, nên tiết lộ cho vài người khác biết và hăm sẽ đi tố cáo để lãnh thưởng. Giá tiền thưởng Việt-Minh đã định là ai điếm chỉ bắt được ông Trần sẽ được lãnh bốn chục ngàn đồng. Nhưng việc tính toán này đổ bể, anh em đạo hữu Cao-Đài ở nơi đây mới lập phương bắt được người ấy đem thủ tiêu một cách bí mật, không ai hay biết.

Ông Giêm, Ông Nổ bèn dời ông Đại-Biểu đem gửi vào nhà một đạo hữu ở cách xa, trong ngọn một cái mương ở ven rừng, gần đó không có nhà ai hết.

Bảy giờ là ngày 26 Tết (28-1-1946).

Lạ một điều là mặc dầu lẫn trốn trong một ven rừng, mà có tới ba người bạn đạo ở Saigon xuống tới đây tìm gặp. Ngày 27 Tết có đạo hữu Đài thuật lại là em đã nằm chiêm bao, thấy Anh Cả Quyền Giáo Tông bảo đi về hướng Tân Bằng thì gặp ông Giáo Sư Đại-Biểu. Thật quả vậy, em đến Tân Bằng, tìm ông Chánh Trị Sự, trình giấy tờ của em, ông Chánh Trị Sự dè dặt, nói để ông dọ dùm cho, ông bèn đem giấy thuế thân có dán hình và giấy Đạo cho người đem trình ông Đại-Biểu, ông Đại-Biểu xem quả thật, mới cho người dắt em Đài tới gặp mặt, mừng rỡ hàn huyên.

Ngày 28 Tết (30-1-1946), lại có hai đạo hữu nữa,

cũng ở Saigon đi kiếm, cũng đến Tân Bằng, cũng trao giấy tờ đạo và hình đủ bằng cứ cho ông Chánh Trị Sự đem trình ông Đại-Biểu trước, đó là em Lê Minh Cảnh và em Phan Đức Trọng. Ông Đại-Biểu xác nhận, hai em này được hướng dẫn đến giáp mặt, anh em hết sức mừng rỡ hàn huyên, cũng tạm ở đó cho đến ngày mừng một Tết.

III. GIAI ĐOẠN TRỞ VỀ SAIGON

Tới Saigon ngày 11-2-1946 (ÂL.10-1 Bính Tuất).

Trong lúc ở tại Tân Bằng, ông Giêm, ông Nổ gửi liên lạc ra quận Thới Bình cho ông bạn là Huỳnh Tông Mậu hay và mượn tìm phương đưa ông Đại-Biểu về Saigon. Ông Huỳnh Tông Mậu là Giáo Sư Cao-Đài bên Chi Phái Hậu Giang, ông nhập về Tòa Thánh Tây Ninh. Ông đến Tân Bằng viếng ông Đại-Biểu và sẵn lòng đưa ông Đại-Biểu về Saigon, định tới đêm 30 Tết thì khởi hành. Dè đâu ông nhuốm bệnh, đi không được, ông mới sai con trai ông đi thay thế, mà con trai ông lại có phận sự của Ủy Ban Hành Chánh Việt-Minh, để chăm nom các đồn bót Việt-Minh đóng dọc theo kinh Thới Bình, đó là một điều may mắn, có người ấy ngồi trên ghe, thì các đồn bót đều biết mặt, nên đi ngang qua các đồn bót Việt-Minh đều không bị tra xét.

Đêm 30 Tết là đêm định đưa ông Đại-Biểu, thì bị động có tin đạo hữu cho hay rằng Việt-Minh định lũng bắt ông Đại-Biểu, lúc đó lối 8 giờ tối, có đạo hữu Nguyễn Văn Tính công ông ra rừng, đem mền mùng và bánh tét theo, cách đó chừng non một cây số, tạm trú đó để lánh tin. Nhưng cũng may là việc báo động này không xảy ra việc chi, sáng lại trở vào nhà, đợi tối mừng một Tết sẽ rời Tân Bằng. Ngày mừng một, mượn đặt một giấy thuế

thân cho ông Đại-Biểu đi đường. Trong giấy thuế có lằn tay, nhưng nét mực lằn tay đều lọt hết, em Lê Minh Cảnh mới lấy mực tàu, lằn tay ông Trần vào đó rõ ràng. Tiếc thay, ông Trần đã quên hẳn cái tên của người cho mượn giấy thuế thân.

Đến tối mừng một Tết (2-2-1946) là đêm đã định lên đường, ngoài kinh Thới Bình đã có ghe của con ông Huỳnh Tông Mậu sẵn đó để đón đưa đi, ông Giáo Sư Đại-Biểu định cúng Thầy thời Tý rồi sẽ đi. Trong nhà đều thức khuya nói chuyện và đợi 12 giờ khuya, đầu giờ Tý, sẽ làm lễ Thầy. Nhưng có linh cảm thế nào mà ông Giáo Sư Đại-Biểu ngó lên đồng hồ thấy còn 20 phút nữa mới tới thời cúng, ông bèn nói với chủ nhà: “*Thôi cúng sớm để đi cho sớm*”, đó rồi nội nhà và các đạo hữu có mặt đều tựu trước Thiên-Bàn, đọc kinh tứ thời cúng.

Cúng xong là đã 12 giờ 10 phút, ông Đại-Biểu cáo từ chủ nhà, rồi cùng các anh Lê Văn Giêm, Lê Văn Nổ, Trần Tỳ Đài, Nguyễn Văn Tĩnh và một đạo hữu (quên tên) xuống ghe lườn đậu dưới mương hẹp lối vài thước bề ngang, phải chống sào cho ghe đi, nếu đi mức cái mương thì xa chừng 800 thước, nhưng mới ra đi chừng nửa mương lối 400 thước, thì có tin đạo hữu ở ngoài vàm mương chạy vô báo động, cho hay rằng Việt-Minh đã chặn vàm mương. Tất cả các anh em 6 người, tạt ghe qua bờ, bỏ ghe, nhảy lên bờ mương, rồi lủi vào rừng để sậy, vì dài theo bờ mương, ngoài con đường mòn, thì toàn là để sậy mênh mông, dày bịt, có một diện tích hằng mấy cây số vuông. Cả thầy đều ngồi yên trong để sậy để ngóng tin, một lúc sau chừng 5 phút thì đám Việt-Minh, tốp ở ngoài vàm chặn ngách, tốp năm sáu người đi theo mé mương, đi ngang qua chỗ

các anh em đang núp, đi thẳng vào nhà khi này mới vừa cúng Chí-Tôn. Người đem tin lạnh trí, khi anh em dưới ghe hay rồi, người chày một hồi vô nhà bảo chủ nhà tắt đèn đi ngủ, phần người thì cũng đi lảng tránh một nơi.

Đám Việt-Minh đi đến nơi thấy trong nhà đã ngủ, chúng nó đánh thức chủ nhà và buộc tội là khi ban chiều có chứa chấp ông Trần Đại-Biểu. Chủ nhà đáp rằng không có chứa ai chỉ có một người bà con và vài đứa cháu ở xa đến thăm và đã về ban chiều rồi. Mặc dầu trả lời hữu lý, nhưng chúng cũng ra oai tát tai, thoi đấm và buộc phải khai thiệt. Ông chủ nhà nói mấy ông có giết chết tôi thì tôi chịu, chứ sự thật là có bà con đến thăm chứ không biết và không chứa chấp ai hết. Đám Việt-Minh thấy khai thác không được cũng còn hăm dọa đủ điều rồi rút êm. Việc này rồi sau cũng êm luôn.

Nhắc lại khi ban chiều, cỡ 8 giờ tối, hai anh em Lê Minh Cảnh và Phan Đức Trọng có sẵn ghe, cũng đi theo mương nói trên, ra vàm rồi đi theo con sông khá rộng, cũng tính sẽ hiệp với bọn người ngoài kinh Thới Bình đặng đi về Saigon. Rủi thay! Lúc ghe đương chèo giữa sông thì bị ghe Việt-Minh chặn, bắt hết hai người. Sau nghe lại thì hai em này bị đánh đập tàn nhẫn, bị giam cầm một lúc rồi sau trốn thoát, hai em này mỗi người một ngã lẩn trốn tài tình nên về được Saigon.

Trở lại đoạn 6 anh em núp trong đẽ sậy, biết Việt-Minh đã đi qua rồi, hai anh Giêm và Nổ dẫn đi vào trung tâm rừng đẽ sậy, tìm đường ra hướng bên kia, nhưng cứ đi lòng vòng mà không tìm được lối ra. Còn ông Trần Đại-Biểu thì đi hết nổi, lại bị cạnh bên cửa lá đẽ sậy cào rách da, em Đài mới công ông lên vai, một lát sau mệt,

bàn trao cho em Tĩnh công. Đi cho đến 3 giờ sáng ngày mùng hai (3-2-1946) mới thoát khỏi rừng để sậy, không nhắm hướng được nhưng cũng may là lạc lối nhằm một ngọn rạch, anh Giêm mới bảo tất cả ngồi chờ anh ra phía ngoài rạch đánh cắp một chiếc xuồng đem vào chỗ anh em. Anh Giêm đi một lúc, sau kiểm được xuồng bơi trở vô, rước 5 bạn đang chờ. Xuồng trực chỉ ra vàm rạch. May thay! Ngoài vàm rạch là nơi hò hẹn có ghe đợi đưa ông Trần Đại-Biểu. Trời tối đen như mực, phía xa xa anh Giêm nhận định có tiếng ghe chèo gần tới, anh bèn hỏi các anh em bước qua ghe đang đậu sẵn, rồi tách bước gấp rút rời ghe khỏi vàm, hướng về Thới Bình. Sau dò lại thì ghe đó là ghe Việt-Minh, mục đích cũng lại chặn vàm rạch chặn ngăn ngừa tù nhân chạy trốn.

Từ đây ghe từ từ đi Thới Bình, dọc theo kinh có trạm gác của Việt-Minh, nhưng có người ngồi trên ghe lại có phận sự đi tuần tiểu nên ghe không bị gạn xét.

Đi khỏi Thới Bình chừng 4 cây số, anh Giêm bảo ghé ghe lại một nhà quen là đạo hữu phái Hậu Giang, ở đó đợi anh trở lại dò xem tin tức. Nhờ vậy mới biết chiếc ghe gặp tại vàm đó là ghe của Việt-Minh.

Trong lúc chờ đợi, ngày đó xảy ra một việc may mắn cũng lạ. Số là em Lê Trung Nghĩa (em của Thiếu Tướng Lê Văn Tấn) đi dự hội kháng chiến ở Thới Bình, vừa lúc hết hội em ra về, cũng đi ghe trên con kinh Thới Bình, khiến sao tới chỗ ghe ông Trần Đại-Biểu đậu đợi ông Giêm, em Lê Trung Nghĩa cũng ghé đó, tình cờ gặp ông Giáo Sư Đại-Biểu. Ôi thôi! Mừng không thể tả. Em Nghĩa bận đồ chệt, màu đen, em cho biết là mặc dầu nói đi hội nghị kháng chiến, chứ sự thật là đi dò la tin tức của ông

Đại-Biểu và cũng có can thiệp với Ủy Ban Kháng Chiến phải trả tự do cho ông Trần. Đó rồi em Lê Trung Nghĩa hiệp đoàn với ông Đại-Biểu để về Saigon.

Đến tối, ông Giêm mới trở lại, đợi sáng mừng 3 Tết (4-2-1946) anh em mới lia bến. Đi đến xế, ghé nhà một người quen khác (quen với ông Giêm), nhà ngói, khá giả, ở đó ăn buổi cơm chiều của chủ nhà đãi.

Tối lại lối 7 giờ hơn, thì bắt đầu ra kinh Xáng Tác Bãng đặng trở về Saigon. Khi đến sông Nước trong Bà Lớn, trên bờ dọc đường có cái bót gác Việt-Minh, kêu ghe ghé lại. Ghe mình thì đi phía bờ bên này, bót gác thì ở sông bên kia, nên anh em dụ dụ muốn đi luôn, thì Việt-Minh họ kêu lớn lên nói không ghé thì họ bắn. Em Nghĩa bảo quày ghe lại đi, em có đủ giấy tờ đi hội nghị của Ủy Ban Kháng Chiến cấp cho. Ghe đậu lại bến, em Lê Trung Nghĩa bảo mỗi người ngồi yên, để em lên bót trình giấy tờ và nói chuyện. Em thuyết phục được mấy người canh gác, nên họ không đòi xem giấy tờ của mỗi người và không làm khó dễ chi.

Ghe tách bến, đi theo ngã Ba Đình, kinh Xáng Cục, sông Nước trong Bà Lớn, đến Cầu Đúc (gần Rạch Giá) là trời đã tối, anh em ở dưới ghe lo nấu cơm, đậu ghe lại, ăn cơm xong rồi tiếp tục đi đêm, trên con kinh Cái Xăng. Cỡ 20 giờ ghé nhà ông Lê Sanh Ngọc Hoai Thanh thăm lối nửa giờ rồi từ giá.

TAI NẠN TẠI BÓT HÒA-HẢO TRONG KINH CÁI XĂNG

Đi được nửa đường kinh Rạch Giá-Long Xuyên, lúc 12 giờ khuya (mùng 4 Tết, dl.5-2-1946) bị một bót Hòa-Hảo chặn lại, họ lừa mọi người lên bờ, họ xét tất cả, họ

còn làm bộ rà dưới lòng ghe coi có súng không.

Lúc lục quần áo toàn là đồ cũ, họ tìm gặp một số bạc là 4.000 đồng, họ đếm đếm, rồi nói để họ cất cho, sáng sẽ đưa lại. Đó rồi họ đem vào nhà hỏi giấy thuế thân từ người, mà giấy thuế thân của ông Đại-Biểu là tên khác, họ cũng không để ý, họ ghi chép vào sổ. Lối 2 giờ khuya, phía sau nhà, có một ông già sồn sồn, ở trong hậu đường đi ra, ông ngó từ người, ông nhận diện được ông Trần Quang Vinh, ông tỏ vẻ mừng và nói với mấy người trong bót biết, ông nói: *“Ông này là ông Trần Quang Vinh, bạn của Thầy mình, ở Saigon khít vách nhà của Thầy mình, tôi quen biết với ông”*. Nhờ đó mà những người canh gác kính nể.

Ông Đại-Biểu nhận ra là ông Hương Thân Mạnh, là một người cao cấp của Thầy Huỳnh Phú Sổ, ông bèn tường thuật tại sao mà ông đi tới đây giờ này. Hai bên đều thông cảm, nhưng đám nhân viên có người tham, họ tính kế tước đoạt số tiền 4.000 mà họ đã đếm khi nãy, nhưng vì nể ông Hương Thân Mạnh nên chưa dám làm ầu.

Năm giờ sáng, họ đem trả số tiền cho ông Trần đủ số, ông Trần bèn rút ra 500 để trên bàn nói xã giao là anh em canh gác cực nhọc, tôi xin tặng số tiền mọn này để anh em uống café. Một người trong bọn họ làm bộ đạo đức, lấy số bạc trao trả lại cho ông Trần, nói chỗ quen lớn, nên hỏi số bạc lại để đi đường. Ông Trần để lời cảm tạ và nhét số bạc 500 đồng vào túi bánh tô. Đó rồi từ giã nhau, mọi người đều xuống ghe. Vừa tách bến lối vài trăm thước, ngang một khoảng trống, trên bờ toàn là rập rập, thì nghe trên bờ có một số người chạy theo bắn một tiếng súng chỉ thiên, kêu ghe ghé lại. Nghe có tiếng súng, ghe phải ghé vào bờ. Họ giả bộ ăn cướp, lấy mền bọc tất cả đồ đạc dưới

ghe, đem lên bờ cách xa kính chừng một trăm thước, họ lục soát tất cả mà không thấy số bạc ban khuya mà họ đã đếm. Anh em trong ghe tất cả là 7 người, có người chèo lái là đạo hữu Nguyễn Văn Tĩnh, em này nhẹ sọt xuống nước, lặn qua bên kia bờ kính, ý em muốn trốn lánh để sau đem tin về Tòa-Thánh. Sáu người đứng hàng ngang để họ lục xét, họ không thấy số bạc thì một người trong bọn họ chĩa súng ngay bụng ông Trần, một người nữa chĩa gươm sau lưng ông Trần, nói bắt người này dẫn đi. Lúc ấy em Lê Trung Nghĩa nói: *“Xin mấy anh tội nghiệp bác tôi, đừng bắt bác tôi tội nghiệp”*. Lúc ấy, ông Trần vẫn bình tĩnh và hiểu thấu ý họ là lục không gặp số bạc 4.000 nên hăm dọa bắt ông Trần, vì hiểu như vậy nên ông Trần nói với họ: *“Xin mấy anh lục lại quần áo trong vali, số bạc còn sắp trong quần áo”*. Họ bèn lục lại một lần nữa, lần này họ lục kỹ từ cái áo cái quần, lôi ra gói bạc quần trong khăn mouchoir. Tìm lại được gói bạc, xem họ mừng họ chụp liền, trả quần áo và mền lại rồi bảo *“Hết thấy đều xuống ghe”*. Trong gói chỉ còn có 3,500 đồng, còn 500 khi ông Đại-Biểu biếu cho họ, họ làm bộ nhân nghĩa trả lại không nhận, ông Đại-Biểu mới bỏ số bạc vào túi áo bành tô của ông, nhờ thế mà anh em còn đủ tiền xài dọc đường.

Thế là thoát nạn lần thứ nhất trong kinh Cái Xăng.

Nên nói rõ số bạc này là của ông Khâm Châu Ngọc Mỹ Thanh và bà Khâm Châu Hương Kiếm gửi về Tòa-Thánh.

NẠN THỨ NHÌ TẠI LÁNG SEN TRONG KINH CÁI XĂNG

Vừa thoát nạn kể trên, thì kể nạn thứ hai xảy đến.

Ghe tách bến chừng 100 thước, thì có tiếng kêu bên

lộ, đó là em Nguyễn Văn Tĩnh khi này sục xuống sông, băng qua lộ để ngóng tin. Ghé rước em xuống ghe, đi khoảng chừng 300 thước thì tới nhà ông Chánh Trị Sự ở tại, lúc đó trời đã rạng đông. Ông Chánh Trị Sự không dám ngủ nhà đi ngủ đàng xóm, người nhà đi kêu ông về, gặp ông Đại-Biểu, anh em thuật sơ chuyện mới xảy ra và nhờ ông Chánh Trị Sự ngồi ghe đưa anh em ra tới vàm Cái Xăng rồi sẽ trở về. Ông nhận lời. Ở nán lại đó uống nước trà và đàm đạo lối 15 phút, rồi cáo từ ông thân của ông Chánh Trị Sự. Ông Chánh Trị Sự cũng xuống ghe với mấy anh em và rời bến độ 8 giờ, ghe đương đi, bỗng bên đường lộ có nhân viên của bót Hòa-Hảo đi xe máy đạp chạy theo bên phía lộ, kêu ghe ngừng lại, buộc phải trở lại bót Hòa-Hảo để khai báo vụ ăn cướp ban sáng và bắt lỗi sao bị cướp mà không trình bót lập biên bản.

Ông Chánh Trị Sự là người quen biết tại đó, hết sức thương lượng năn nỉ để cho ghe đi, khỏi trở lại, trót giờ đồng hồ nhân viên Hòa-Hảo mới chịu cho ghe đi luôn. Nào ngờ đâu người ấy lên đường lộ rồi đi xe đạp tới bót Hòa-Hảo Láng Sen, cách đó hơn mười cây số ngàn bảo bắt ghe giữ lại khi đi ngang qua bót. Thế là họ bắt ghe lại, giữ đó vô có. Ông Chánh Trị Sự lên thương quyết và nài nỉ cho ghe đi, nói thế nào cũng không được.

Ông Chánh Trị Sự không biết tính sao, ông bèn nảy ra ý kiến mượn đặng chiếc xe đạp của một đạo hữu, đạp trở lại bót Hòa-Hảo trước, nói với ông Hương Thân Mạnh là người cao cấp Hòa-Hảo, nhờ sự can thiệp của ông cho ghe đi. Ông bảo để hai giờ trưa ông sẽ ra Láng Sen can thiệp dùm. Ông Chánh Trị Sự trở ra bót Láng Sen cho hay, anh em rất có hy vọng chờ đợi. Hai giờ, rồi ba giờ, rồi

đến bốn giờ hơn, ông Thân Mạnh mới đi xuống tới. Ông lên bót, các nhân viên trong bót nể lời ông, nên chịu thả ghe, nhưng buộc ông Đại-Biểu phải làm một cái tờ nhìn nhận rằng lúc đến bót phía trong, bị lục xét nhưng không có mất tiền bạc và món chi hết. Ông Đại-Biểu làm tờ liền, ký tên trước mặt họ.

Đã 5 giờ chiều, ông Chánh Trị Sự nghi có điều rắc rối nữa, nên ổng qua phía bên kia kinh đến nhà ông Phó Trị Sự Láng Sen, cậy vợ chồng ông này lấy xuống đưa ông Đại-Biểu ra đến vàm, nhưng phải thiết kế, để ổng ngồi giữa xuống, đội nón lá, bọc mền quanh mình, giả bộ đau, đặng khi đi ngang bót Hòa-Hảo phía chợ Vàm, đừng lộ tông tích. Cũng may là vợ chồng ông Phó Trị Sự ở đó ai cũng biết, nên khi đi ngang qua bót ngoài, bơi xuống gần bót và giả bộ nói: “*Bác tôi đêm hôm bị bệnh ngặt nghèo chết giấc nên tôi đi kiểm thuốc đau bụng cho bác tôi, anh em có thuốc chi hay thì cho tôi làm phước*”. Trên bót có người nói: “*Anh Phó Trị Sự ra tôi chợ Vàm, có tiệm thuốc bắc bán đủ thứ thuốc, hỏi họ và nói căn bệnh mua thuốc*”. Thế là qua khỏi bót, còn ghe kia cũng chèo theo xuống, qua khỏi chợ Vàm, đi vào một khúc mương chừng một trăm thước, đến nhà người em gái ruột của ông Đại-Biểu. Đến đây, vợ chồng ông Phó Trị Sự trở về, còn ghe thì chở anh em đi luôn ra đến Bắc Vàm Cống, vào một cái ụ, ở đó ngủ đêm, dùng cơm buổi chiều và ngủ tại đó.

Thế là thoát nạn lần thứ nhì trong kinh Cái Xăng.

VỀ ĐẾN SADÉC VÀ MỸ THO

Sáng ngày mùng 5 Tết Bính Tuất (6-2-1946) lối 9 giờ, anh em đem ghe rước ông Đại-Biểu, rồi trực chỉ qua

Sadéc. Khi đến Vàm Lai Vung, trên bờ hai bên vàm có hai đồn của Pháp đóng binh tại đó. Thói thường hễ nghe đi đến đó thì lính Pháp kêu lại xét. Lúc nghe mình đi ngang qua thì có nhiều lính Pháp đang tắm dưới sông hai bên vàm, lính đều bận tắm, nên không kêu ghé lại, may mắn thay! Thoát qua ải địa đầu của Pháp được bình an, ai cũng hú hồn hú vía. Tiếp tục đi, hết sông rồi đến rạch, khi đến Hòa-Long là chỗ con gái thứ hai của ông Trần có chồng nơi đó, ghé tìm đến nhà là đã 12 giờ khuya.

Trên nhà bên chồng của cô Hai đương ngủ, nghe kêu cửa, mở cửa ra thì thấy ông Trần và sáu anh em ghé thăm. Liền đó, ông xuôi cửa ông Trần bắt gà vịt làm một tiệc nửa đêm, đến 3 giờ sáng mới ăn xong.

Sáng ra, ngày mùng 6 Tết Bính Tuất (7-2-1946), ông Trần và mấy anh em cáo từ chủ nhà và cô Hai con ông Trần, đi qua Sadéc, tìm đến nhà vợ ông Trần, thì vợ ông đã tản cư qua Tân Hưng. Gặp người chú vợ mời ông Trần xuống xuống đội nón lá, cũng quần mền giả người đầu, làm như vậy tránh Tây (lúc ấy Tây đã trở lại Sadéc), còn ghé thì chèo theo sau vì sợ lạc đường. Tới Tân Hưng, phía bên kia chợ Sadéc, vợ ông Trần tạm ngụ nhà người cô, vợ chồng gặp nhau mừng rỡ. Ở đó một ngày.

Qua ngày sau, tức là mùng 7 Tết (8-2-1946), ông Trần và các anh em lên đường trực chỉ về Mỹ Tho. Đến chiều tối ghé đậu lại ngủ tại Rạch Rau Râm, vì ban đêm không dám đi. Sáng ra, ông Giêm lên chợ mua cá, nấu cơm ăn trong lúc ghé chèo gần bờ để về Mỹ Tho.

Ngày mùng 8 Tết (9-2-1946), lối 11 giờ thì tới Mỹ Tho, đạo hữu Trần Tử Đài lên bờ tìm đến nhà ông Chánh Trị Sự xin cho ông Đại-Biểu và mấy anh em nương ngụ,

được chấp thuận. Ghe thì bỏ dưới bến, rồi sau cũng bỏ luôn lại đó.

Ở Mỹ Tho hai ngày, đạo hữu Đài đi dò hỏi xem coi xe lửa có trở ngại gì về giấy tờ không, vì lúc này Tây đã trở lại, có lệnh xét hành khách, ai không có giấy thuế thân thì bắt. Cũng may là ông Trần có mượn được giấy thuế thân lúc ra đi ở Tân Bằng, trên giấy thuế thân có lằn tay rõ ràng.

GIÁO SƯ ĐẠI-BIỂU VỀ ĐẾN SAIGON

Ngày mùng 10 tháng Giêng năm Bính Tuất (11-2-1946), đạo hữu Trần Tý Đài điều dẫn ông Đại-Biểu ra xe lửa, mua giấy, lên xe.

Lúc nhân viên đến xét giấy xe, lại xét luôn giấy thuế thân. Ông Trần trao giấy thuế thân, nhân viên cầm xem rồi nắm tay ông Trần xem các khu ốc tay coi giống không. Thì cũng một dịp may nữa, là trước khi đi, có xem xét dấu tay trong giấy, thấy mực bay đi hết, nên em Lê Minh Cảnh xin mực tàu, lấn khu ốc tay lại trong giấy, nhờ vậy mà thoát khỏi sự khó khăn nếu bị tiết lộ.

11 giờ tới Saigon, đạo hữu Đài kêu xe chở ông Đại-Biểu đi về Chợ Lớn, Trên lầu căn nhà số 2 đường Phước Kiến, rồi chiều lại sang qua nhà khác cũng gần đó, số 15 đường Lý Thành Nguyên, tạm trú. Vì ở đây giữa Châu Thành anh em cũng hơi lo, nên vài tháng sau dọn về vùng gần chùa Minh Phụng.

Từ đây, ông Giáo Sư Đại-Biểu tiếp tục làm việc, liên lạc với các Bộ Đội và chỉ huy mọi việc cho đến ngày bị Pháp bắt trọn cả bốn bộ là ngày mùng 8 tháng Tư năm Bính Tuất (8 Mai 1946).

**Viết tại Tòa Thánh Tây Ninh, ngày rằm tháng hai,
năm Nhâm Tý (29 Mars 1972)
Phối Sư THƯỢNG VINH THANH
TRẦN QUANG VINH**

THỜI KỲ GIÁO SƯ ĐẠI BIỂU ĐẠO CAO ĐÀI TRẦN QUANG VINH BỊ CÔNG AN PHÁP BẮT TẠI SAIGON TỪ NGÀY 8 TỚI 30 MAI 1946 (22 NGÀY).

Sau khi thoát nạn Việt-Minh trở về tới Saigon ngày 11-2-1946, ông Giáo Sư Đại-Biểu tiếp tục làm việc, lo nối giầy liên lạc với bốn bộ và các Bộ Đội đã trở vào bưng biển để chống Pháp, đồng thời chống Việt-Minh Cộng-Sản.

Ban sơ tạm trú tại ngôi nhà số 15 đường Lý Thành Nguyên độ vài tháng rồi dời về xóm Minh Phụng, trong gần đám rẫy của người Tàu được kín đáo hơn, để ban chỉ thị và tiếp xúc với chư đạo hữu gần xa đều đến. Công việc được tiến triển đều đều, kín đáo.

Một ngày kia, vào buổi sáng ngày mùng 8 tháng Tư năm Bính Tuất (dl.8-5-1946), nhân viên Ty Công An Pháp bắt được Thông Sự Võ Tòng Lục trước, đem về Sở Công An ở đường Catinat tra tấn dã man. Sức người chịu đựng có hạn, nên Võ Tòng Lục buộc lòng phải khai chỗ trú ngụ của ông Đại-Biểu tại xóm Minh Phụng (Phú Lâm) và dẫn Công An đi khám xét bắt ông Đại-Biểu và vợ của ông.

Một lần nữa, Công An tịch thu tất cả đồ đạc, tài liệu và tiền bạc ráo trọi. Đồng thời, các căn cứ khác của bốn bộ trú ngụ tại số 2 đường Phước Kiến, số 15 đường Lý Thành Nguyên và Chùa Thái Hòa ở đường Monseigneur Dumortier, ngoài ra còn khám xét thêm mấy chỗ phụ thuộc như tại sở may số 235 chợ Bình Đông, nhà Sĩ Tài Hợi ở Phú Thọ và nhà Luật Sự Hoa ở Chợ Lớn.

Số nhân viên bốn bộ bị bắt, ngoài ông Đại-Biểu, còn có ông Giáo Sư Thượng Trí Thanh, ông Giáo Hữu Thái Đến Thanh, nhị vị Lễ Sanh Thượng Tý Thanh, Ngọc Hoai Thanh, nhị vị Luật Sư Nguyễn Văn Hoa, Võ Văn Nhơn, và chư đạo hữu nam nữ tất cả là 22 người.

Ông Giáo Sư Đại-Biểu và cả bốn bộ bị giam vào bót Công An đường Catinat (nay là đường Tự Do).

Mỗi người đều bị tra tấn, đứng đầu là Giáo Sư Đại-Biểu. Đây là thuật về phần ông Đại-Biểu: khi bước vào phòng tra thì thấy có đủ thứ dụng cụ để tra tấn, ban sơ thì cho đi “*tàu bay*”, nghĩa là cột dây luộc vào hai cổ tay, sợi giây từ trên nóc nhà có chuyền vào một cái ròng rọc, hễ rút sợi giây một đầu thì người bị tra hồng lên khỏi mặt đất rút lên cao cỡ chừng một thước rưỡi, rồi họ xô qua xô lại như đánh đu, hai cườm tay bị đau đớn vô cùng, phải chịu đựng cho họ xô và đánh đập cho đến khi ngắt xỉu, họ mới thả đầu giây cho té xuống đất. Họ đổ nước vào mặt, đợi lai tỉnh thì họ mới hỏi. Bởi việc làm Cách-Mạng bị bắt đủ bằng cứ, nên việc chi cũng khai thật, không dấu diếm chi hết. Công An họ muốn tra tấn cho nhiều thì họ chỉ có tạo ra điều mình không phương đáp được.

Họ hỏi “*dấu Nhật Bản ở đâu*”. Câu này thì mọi người trong bốn bộ đều bí lối, đây là cái cớ để tra khảo hằng ngày thật sự mình không có dấu người Nhật nào hết.

Họ lại hỏi “*biết Nhật Bản ở đâu thì phải chi*”. Cũng thật sự mình không hề biết. Vì hai câu hỏi không thể trả lời ấy mà ông Đại-Biểu và mấy vị Chức Sắc phải chịu cực hình trọn tám ngày.

Ngoài việc đi tàu bay như kể trên, thì kể đi “*tàu lặn*”!

Họ cởi trần truồng mình, ai có cái quần lót thì đỡ khổ hơn, họ bắt nằm ngửa trên một cái “*banc*”, nghĩa là cái ghế có một tấm ván, họ lấy giầy cột chặt thân mình, ghệt vào tấm ván không cho cục cựa được, họ đập trên mặt một tấm vải mỏng, rồi họ kềm cái đầu mình ngược lên, họ đổ nước vào miệng, hết thùng này đến thùng khác. Khi mình ngất ngư, chết giấc, họ mới ngưng. Ngưng đổ nước rồi họ bước giầy tây lên bụng mình, bước tới bước lui trên bụng làm cho ói nước ra hết, họ bỏ mình nằm đó trót giờ, đợi lai tỉnh, thì họ mở trối cho ngồi dậy hỏi cung nữa, cũng chỉ có hai câu hỏi kể trên.

Ngày khác thì họ cho đi “*tàu điện*”. Họ cũng cởi trần truồng mình, họ đem lại một cái dynamo xe hơi, họ chuyển điện vào. Giầy điện thì một đầu họ đút vào âm mình, muốn điện giựt thì họ cho sợi giầy vào contact là chỗ nối điện, thì tức nhiên người bị điện giựt phải la hoảng và chết giấc liền. Họ đợi tỉnh lại, họ tiếp tục khảo như thế nữa, nhiều phen.

Lúc nào không có điện, thì họ dùng dynamo chuyển vào bình lửa gọi là bình accu, rồi họ quay tròn thì tự nhiên có điện giựt.

Xong xuôi việc tra tấn này, họ tiếp tục hỏi nữa: “*Dấu Nhựt Bốn ở đâu*” và “*Biết Nhựt Bốn trốn đâu phải chỉ*”. Hai câu hỏi này không thể giải đáp được, nên mấy Chức Sắc bị tra tấn như tử và hằng ngày.

Nhiều khi trong lúc ngồi cho họ điều tra, họ la lối giận dữ, họ bèn đánh mình bằng cây matraque là thứ cây mình tròn, dài cỡ ba bốn tấc tây, thứ của lính Cảnh Sát cầm tay, có khi họ lỡ tay đánh tới phun máu đầu.

Chịu đựng mỗi ngày như thế, chết lên, chết xuống cho tới ngày thứ tám, ngày chót, họ đem ông Giáo Sư Đại-Biểu vào phòng tra, phen này lại có ông Cò Bazin chực hờ đó.

Thường khi thì chỉ có người Việt chuyên môn tra khảo. Phen này đối với ông Trần Quang Vinh, ông Cò Bazin ra tay. Trước tiên, một người Việt dùng cây tròn, dài, đánh càng trong mình, nơi nào cũng đánh, từ đầu xuống chân. Một chập chừng ba phút sau, ông cò Bazin cũng ở đó, cầm một cây cù nèo, mình cù nèo bẻ giặ cong cũng như sợi mây quấn xoay tròn vào một cây ba ton, dài chừng một thước hai, ông nói với người Công An kia: “*Thôi để tôi đánh thế cho*”. Đó rồi ông đánh ông Đại-Biểu rất nặng tay, từ trên đầu đánh xuống chân. Đau quá, ông Đại-Biểu vừa nhảy vừa la lớn: “*Thầy ơi! Xin thầy đem con về, Thầy nỡ nào để chúng nó hành hạ con như vậy*”.

Ông Cò Bazin bèn cười nói: “*Mày thiệt la lớn há*”, rồi ông đưa cây ba ton lên cao, giã bộ đánh thật mạnh, nhưng “*huyền diệu thay*”, thay vì đánh, ông bỏ xụi cây ba ton xuống rồi không đánh nữa.

Kể từ ngày này, chấm dứt vụ tra khảo cho tất cả bốn bộ.

Sau trận đánh khảo này, ông Giáo Sư Đại-Biểu sưng cả đầu, mình, tay, chân, từ phòng tra xuống tới khám đi không nổi, nhân viên Công An phải đưa đi từ bước. Anh em trong khám ai thấy cũng rờn mình, người thì an ủi, kẻ thì lấy dầu thoa. Có anh bạn thân là anh Đường, cũng bị bắt về vấn đề chánh trị, anh cho uống nước muối đựng trị tức ngực. Lúc xuống khám là trời vừa tối.

Tối lại, cỡ tám, chín giờ, có một người bị giam tên An, không biết có cảm tưởng như thế nào mà báo cáo với Xếp gác rằng ông Trần (ông Đại-Biểu) tự vận. Xếp gác bèn kiểm một miếng cây dài chừng một tấc rưỡi, đút bẻ ngang vào miệng ông Trần, hai đầu cây có giây cột ra phía sau ót, ý nghĩa là sợ ông Đại-Biểu cắn lưỡi tự vận. Còn hai tay, hai chân đều bị trói, bỏ nằm dưới gạch gần chỗ ông Xếp gác ngồi. Chịu đựng như vậy tới sáng họ mới mở trói và mở khớp miệng.

Đó, đời làm “*Cách-Mạng*” là phải chịu khổ hình như vậy.

Vài ngày sau, bệnh tình cũng hơi thuyên giảm, các chỗ bị đánh nổi u, nổi nần, cũng bớt sưng. Ông Cò Bazin có xuống thăm và bảo tới bữa ăn thì lấy đồ ăn trong quán tại “*Popote*”, quán bán cơm cho nhân viên ăn, rồi ghi vào sổ để đó. Ông Đại-Biểu có cảm tưởng rằng tai nạn sắp xoay chiều hướng, bởi thay vì cho ăn cơm tù nhân như mọi người, sao lại có lệnh cho ăn sung sướng như nhân viên. Ông Đại-Biểu kể từ ngày này, được phép mua đồ ăn dễ dãi. Muốn hồi phục sức khỏe thì phải ăn uống cho đủ sức.

Chừng ba hôm sau là ngày thứ 13, bất ngờ có lệnh ông Cò Bazin mời lên văn phòng.

Ông Trần có cảm giác là chuyến này có việc may, vì mời chứ không phải đòi, mà đến văn phòng chứ không phải đi vào phòng điều tra.

Khi bước vào văn phòng thì ông Cò Bazin bước ra khỏi bàn giấy, đưa tay ra nói “*Bonjour*” và chỉ ghế mời ngồi. Ngồi xong ông đưa một điếu thuốc thơm mời hút. Ông Trần không từ chối. Rồi ông kêu nhân viên (planton) đi

xuống Popote bưng lên hai tách café, ông uống một tách, còn một tách ông mời ông Đại-Biểu, ông Trần cũng tự nhiên, bưng tách café, đợi ông Cò uống, ông mới uống. Trong lúc đợi café, thì hai đảng đã bắt chuyện.

Ông Cò Bazin khởi đầu: *“Tôi mời ông để nói chuyện lợi và hại cho ông hiểu. Ngày nay ông bị chúng tôi bắt, có đủ bằng cứ, thì sự chết sống ở trong tay chúng tôi. Nhưng từ buổi đầu bắt ông cho tôi nay thì tôi suy nghĩ đủ khía cạnh. Giết chết ông thì dễ, rồi hết chuyện, vì lẽ đó tôi muốn bàn với ông làm thế nào cho có ích lợi cho ông, cho dân tộc ông và cũng có lợi cho chánh trị người Pháp. Ông thử nghĩ, một tổ chức Cao-Đài dưới quyền lãnh đạo của ông, có thể đương cự với hai đầu chãng? Một đảng là Pháp, đảng kia là Việt-Minh Cộng-Sản. “Lưỡng đầu thọ địch”. Vậy tôi đề nghị với ông là nên hợp tác với Pháp đánh Việt-Minh, ông nghĩ sao?”*

Ông Đại-Biểu chậm rãi suy nghĩ rồi đáp: *“Thưa ông, việc làm của chúng tôi, không phải tôi tự ý định đoạt. Đề nghị của ông hết sức nhân đạo, tôi xin cảm ơn ông. Phần tôi thì có thể đồng ý với ông trong giải pháp “hiệp tác” có lợi cho xứ sở chúng tôi mà cũng có lợi cho nền chánh trị của Pháp Quốc. Vậy xin ông cho tôi một ngày để thương lượng với anh em của chúng tôi trong khám, ngày mai tôi sẽ trả lời cho ông. Tôi xin lỗi ông trước, nếu anh em chúng tôi đồng thuận như tôi, thì chúng tôi sẽ có một ít điều kiện để trình bày với ông và chúng ta sẽ bàn luận nhau.”*

Ông Cò Bazin đáp: *“Được, ông cứ cho anh em hay và giải thích việc lợi hại về giải pháp tôi đã đề nghị. Còn điều kiện thì người Pháp sẵn sàng nghiên cứu với một tâm lòng khoan dung đại độ”.*

Đến đây ông Giáo Sư Đại-Biểu xin cáo từ.

Khi trở xuống khám, anh em người người đều ngóng trông, liền hỏi dồn dập: “*Ông Cò mời anh nói chuyện gì mà lâu vậy*”. Ông Trần bình tĩnh, miệng chum chím cười bảo: “*Vào đây tất cả, gom lại một chỗ, tôi thuật lại cho mọi người đều nghe việc cũng vui vui*”.

Ông Giáo Sư Đại-Biểu chậm rãi tường thuật lại từ cử chỉ ông Cò Bazin tiếp rước như thế nào, và câu chuyện đề nghị ra sao, mỗi mỗi đều trình bày rõ ràng sự việc.

Nhưng thay vì hỏi ý kiến các bạn, ông Đại-Biểu xin lỗi để ông tỏ quan niệm của ông trước, nếu tất cả đều đồng ý thì khỏi bàn cãi chi cho lâu dài, vì dấu sao chúng ta đang bị nhốt trong khám chứ không phải phòng hội nghị mà hỏi từ người. Đó rồi ông Giáo Sư Đại-Biểu tỏ bày ý kiến sau đây: Hiệp tác có lợi hay có hại? Không hiệp tác, hậu quả ra sao?

Đây là lời ông Đại-Biểu:

“*Tôi đã suy nghĩ, mục đích chúng ta ra làm Cách-Mạng, trước là tuân lệnh Đức Lý Đại Tiên và Đức Quyền Giáo Tông. Việc chúng ta thọ nạn đây chẳng qua là một việc biến chuyển, dấu sao cũng có quyền năng Thiêng Liêng ám trợ*”.

“*Hơn nữa, em Luật Sự Võ Văn Nhơn, sau khi bốn bộ bị bắt, tối lại em có chạy đến nhà ông Hiến Pháp Trương Hữu Đức và ông Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, ngoài ra còn có mấy anh em khác tựu họp tại đó. Đêm ấy, người nào cũng muốn câu hỏi Anh Cả Quyền Giáo Tông về vụ bốn bộ bị Công An Pháp bắt và van vái các Đấng Thiêng Liêng phò hộ cho tất cả con cái Chí Tôn được thoát nạn*”.

“*Hai ông Hiến Pháp và Bảo Pháp vui lòng phò loan,*

còn bao nhiêu người có mặt và Luật Sự Nhơn đều qui trước Thiên Bàn vái lạy. Anh Cả liền giảng, mở đầu một bài tử tuyệt lấy Thánh Danh Thượng Trung Nhứt, khoán thủ như sau:

*Thượng tuần liên Pháp bắt liên Hoa,
Trung hạ Liên-Minh dĩ bất hòa.
Nhứt kiến QUANG VINH mưu xuất lộ,
Định tâm chư đệ khởi can qua.*

“Trong văn xuôi, Anh Cả có lời dặn: ‘Chừng nào Đạo được vinh quang thì phải nhớ đến QUANG VINH đã nghe!’”

“Thiên cơ chuyển thế nào mà sáng bữa sau, Luật Sự Võ Văn Nhơn, bị Công An Pháp bắt giải vào bót Catinat, nhờ dịp này mà bốn bộ được hấp thụ ý nghĩa bài thi này, nhứt là câu đầu, dễ hiểu: ‘Thượng tuần liên Pháp bắt liên Hoa’, thì ai cũng hiểu rằng trước hết phải liên hiệp với Pháp”.

Ông Đại-Biểu nhắc lại đoạn Thánh Giáo trên đây và tiếp: *“Hẳn là Anh Cả bảo chúng ta phải liên hiệp với Pháp, mà bây giờ cơ hội đã đến, nên tôi có ý định: một là tuân lệnh Anh Cả, hai là chúng ta sẽ có cơ hội hàn gắn những gì đã đổ vỡ. Nhân dịp này, chúng ta sẽ đặt điều kiện như sau:*

- 1. Xin nhà cầm quyền Pháp trả Tòa Thánh Tây Ninh lại cho Đạo và mở cửa các Thánh Thất bị chánh quyền Pháp đóng cửa.*
- 2. Trả tự do cho những tín đồ bị bắt về lý do chánh trị.*
- 3. Chánh quyền Pháp phải công nhận hẳn sự tự do tín ngưỡng.*
- 4. Chánh quyền Pháp phải trả tự do cho Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tắc và năm vị Chức-Sắc đang bị lưu đày bên hải đảo Madagascar.*

Sau khi nghe ông Giáo Sư Đại-Biểu thuyết trình các điều kiện mà Cao-Đài sẽ đặt ra với Pháp, thì xem xét mặt các anh em đều tỏ vẻ hài lòng. Ông Lê-Sanh Thượng Tỳ Thanh xin thay mặt cho bốn bộ mà nói rằng: *“Chúng tôi là đàn em, mọi việc chúng tôi đều tin tưởng nơi Anh Lớn, mọi việc điều đình do Anh Lớn quyết định”*.

Mọi người đều đồng thanh giao quyền thương thuyết cho ông Đại-Biểu.

Thế là yên mọi mặt, chỉ đợi hôm sau xem kết quả.

Qua ngày hôm sau, tức là sau 8 ngày bị tra tấn và 5 ngày dưỡng sức, nghĩa là qua ngày thứ 13 (21-5-1946), ông Đại-Biểu được lệnh mời đến văn phòng ông Bazin, ông này cũng tiếp rước đàng hoàng như hôm trước, ông mời ngồi ngang mặt ông và hỏi liên: *“Sao, thế nào? Chắc là các anh em đã đồng ý rồi chứ? Còn điều kiện, ông muốn như thế nào?”*

Ông Giáo Sư Đại-Biểu đáp: *“Dạ, thưa ông Cò, tôi đã thuyết phục được tất cả các bạn của tôi và tất cả đều đồng ý dâng đến ông mấy thỉnh nguyện mà tôi xin trình sau đây”*.

Đó rồi ông Đại-Biểu lập lại bốn “điều kiện” kể trên mà ông để lời xã giao gọi là “thỉnh nguyện”, nghe cho đẹp đẽ hơn. Ông Cò lấy viết ghi tất cả vào quyển sổ (blocnote) của ông, và nói: *“Theo ý tôi, thì mấy việc thỉnh cầu của ông đều có thể chấp thuận được”*.

Ông Đại-Biểu đáp: *“Thưa ông, vì gấp rút, có lẽ chúng tôi còn quên nhiều thỉnh nguyện khác làm cho dễ dàng sự hiệp tác về sau, nếu trong những ngày tương lai mà chúng tôi cần thêm sự chi, thì nhờ ông giúp sức nâng đỡ”*.

Ông Cò Bazin đáp: *“Đó là lẽ tự nhiên, chúng ta sẽ là*

bạn tốt với nhau mà. Tôi tin chắc như vậy”.

Xong rồi, hai đảng bắt tay từ già. Trong lúc bắt tay nhau, ông Đại-Biểu nói thêm một câu: “*Nay chúng ta đã bắt tay hiệp tác, xin ông thả bà Lê Thị Cư là vợ tôi, cho về trước đặng lo cho con tôi còn nhỏ tội nghiệp”.*

Ông Cò Bazin đáp: “*Việc nhỏ mọn, tôi sẽ trả tự do ngay”.* Một chập sau, bà nội trợ của ông Trần được thả.

Ngày thứ 14, tức là 22-5-1946, ông Cò Bazin nói với ông Đại-Biểu viết một bài tường thuật lại những giai đoạn hiệp tác với Nhựt Bốn, mỗi mỗi đều ghi chép vào.

Ông Cò yêu cầu viết cho rành từ ngày khởi nghĩa hiệp tác với Nhựt Bốn, những việc gì đã làm cho đến ngày bị Công An Pháp bắt, cho tới kết cuộc hiệp tác với Pháp. Ông Bazin cho mượn căn phòng ở gần Popote là chỗ bán cơm, café, nước ngọt và bánh trái cho nhân viên Công An. Ông bảo ráng viết trong ba ngày cho xong và dặn nếu muốn ăn uống chi thì cứ mua tại Popote, rồi ghi vào sổ.

Mỗi ngày, sớm mai và chiều, tới giờ mở cửa làm việc, ông Giáo Sư Đại-Biểu vào phòng viết, viết trọn ba ngày mới xong (từ 23 đến 26-5-1946), đem trao tới tay ông Cò. Ông Cò cảm ơn và giải thích rằng ông muốn như vậy là có ý trình bày tài liệu này cho Đức Hộ Pháp khi Đức Ngài hồi hương.

Quả thật vậy, lúc đi rước Đức Hộ Pháp tại Vũng Tàu (22-8-1946), ông Bazin đem trọn hồ sơ ấy theo. Sau khi dùng cơm trưa tại dinh quan Tham Biện Chủ Tỉnh, ông xin Đức Hộ Pháp ngồi yên một giờ để xem tài liệu của Giáo Sư Đại-Biểu viết nói về sở hành của chư tín hữu Cao-Đài trong lúc vắng mặt Đức Hộ Pháp.

Khi đọc xong, xem ý Đức Ngài rất hài lòng và nói: “*Kết cuộc thì cũng Pháp-Việt để huê, mà nhứt là thái độ Cao-Đài trong giai đoạn chót, liền minh với Pháp*”.

Đến ngày 30-5-1946, tất cả bốn bộ đều được trả tự do.

Trước khi thả, ông Cò Bazin mời ông Giáo Sư Đại-Biểu lên văn phòng bảo rằng ông có ý định đi Tòa Thánh và căn dặn đến ngày Thứ Sáu 7-6-1946, tất cả bốn bộ phải có mặt bên hông sở Công An trước 8 giờ, ông sắp đặt xe hơi và xe hộ tống (vì lúc ấy đi đường phải có nhiều xe hộ tống), nào là xe thiết giáp, xe cần cầu, xe camions chở lính, v.v... Ông Đại-Biểu trở xuống sân trước khám có anh em đang chờ đợi, ông tuyên bố y theo lời của ông Cò Bazin căn dặn và bảo đừng có một ai thất hứa.

Đó rồi giải tán, ai nấy đều trở về chỗ ngụ.

Đến ngày đã định, thứ Sáu 7-6-1946, 8 giờ rưỡi, đoàn xe tách rời Saigon, 11 giờ tới Tòa Thánh, anh em vào Đền Thánh lạy Chí Tôn, xong rồi ai về nhà nấy.

Về phần ông Đại-Biểu thì có ông Nguyễn Thành Phương và các sĩ quan Cao-Đài đón rước. Giờ này cũng có mặt ông Chủ Tỉnh Tây Ninh là ông Ménage. Luôn dịp ông Giáo Sư Đại-Biểu giới thiệu ông Nguyễn Thành Phương với ông Ménage và ông Cò Bazin. Hai bên đều bắt tay nhau, mời về Giáo Tông Đường uống trà và đàm đạo. Trong việc tiếp xúc này thì hai bên thỏa thuận ngày sau, 8-6 16 giờ, sẽ trình diện 320 binh sĩ ở bưng biển mới trở về, trước sân Đền Thánh, rồi qua ngày 9-6-1946 sẽ ký thỏa ước Bính Tuất, gọi là “*Thỏa Ước Ménage-Vinh*”.

Hai ngày sau, mọi việc đều tiến diễn như đã kể trên

đây.

Thỏa ước này gọi là tạm, đoạn chánh yếu viết rằng: *“Đại-Biểu Cao-Đài thỏa thuận giải tán hai chi đội 7 và 8. Các khí giới phải nộp cho nhà cầm quyền quân sự Pháp. Bộ Tham Mưu Pháp sẽ vô trang lại cho quân đội Cao-Đài đủ số khí giới để bảo vệ Tòa Thánh Tây Ninh”*.

Thỏa ước không giải quyết vấn đề quân sự và các điều kiện tự do tín ngưỡng, nhưng hai ông Ménage và Bazin có cho biết rằng một bản *“Hòa Ước”* quan trọng phải do nơi cấp trên ký kết với Đức Hộ Pháp khi Đức Ngài hồi hương, Quả thật vậy, sau khi Đức Hộ Pháp về Tòa Thánh, mới có hiệp ước về quân sự ký ngày 8-1-1947.

Hai ông còn quả quyết một điều thực tế hơn, là các thỉnh nguyện của ông Giáo Sư Đại-Biểu đã được nhà cầm quyền Pháp thi hành chu đáo.

Tòa Thánh đã được giao hoàn lại cho Đạo.

Các Thánh Thất đều được mở cửa cúng kiến tự do.

Tín đồ Cao-Đài bị bắt lúc trước đều được trả tự do.

Đức Hộ Pháp và các vị Thiên Phong bị lưu đày sắp trở về Saigon vì đã được sự chấp thuận của Quan Toàn Quyền.

Ngày 16-8-1946, ông Giáo Sư Đại-Biểu tiếp xúc với ông Cédile, Thống Đốc Nam Kỳ và ông Frémolle, Chánh văn phòng, thảo luận về việc hồi hương của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc. Hai ông này phân vân bất nhứt, bợ ngỡ về cách di chuyển, không biết Đức Ngài về bằng tàu thủy hay phi cơ. Ông Thống Đốc nói ông sẽ gửi điện văn cho Quan Toàn Quyền đảo Madagascar để xác nhận. Ông xin

ông Đại-Biểu đợi ít hôm, ông sẽ cho biết rõ hơn.

Ngày 21-8-1946, buổi chiều, được tin ông Chánh văn phòng Frémolle cho hay rằng Đức Hộ Pháp sẽ về đến Vũng Tàu, vì tàu lớn quá không vào sông Saigon được.

Ngày 22-8-1946, 8 giờ sáng, ông Giáo Sư Đại-Biểu, ông Frémolle và ông Bazin đáp phi cơ ra Vũng Tàu, rước Đức Hộ Pháp ngay dưới tàu, về dinh ông Chánh Tham Biện dùng cơm trưa, chiều lại đồng đáp phi cơ trở về Saigon, đến nhà của Sĩ Tải Nguyễn Văn Hợi là đã 18 giờ.

Còn ba vị Thiên Phong Trần Duy Nghĩa, Nguyễn Thế Trọng và Trần Văn Phấn thì về sau trên một chiến hạm của Pháp, khởi đi từ Tamatarive ngày 13-11-1946, đến Saigon ngày 29-11-1946.

Thiên hồi ký này lược thuật chi tiết, nhất là giai đoạn bị sở Công An Pháp bắt và hậu quả của nó, một hậu quả tốt đẹp.

Cảm tưởng của tác giả là mọi việc đều nhờ quyền năng Thiêng Liêng xoay chuyển, xấu trở nên tốt, thất bại lại được thành công, mà vai tướng Tướng Soái không ai khác hơn là một Chức Sắc Đạo Cao-Đài, trọn tuân lệnh Đức Lý Đại Tiên và Anh Cả Quyền Giáo Tông, mà ngoài Cao-Đài ra, không ai dám can đảm đứng mũi chịu sào, chống Pháp với một khí giới tối tân là "*Tâm Vong Vạt Nhơn*".

Viết tại Tòa Thánh Tây Ninh

ngày rằm tháng Hai năm Nhâm Tý (dl. 29-3-1972)

Phối Sư THƯỢNG VINH THANH

TRẦN QUANG VINH

THỜI KỲ ÔNG PHỐI SƯ THƯỢNG VINH THANH BỊ THIẾU TƯỚNG LIÊN MINH TRỊNH MINH THỂ BẮT GIAM TẠI NÚI BÀ TỪ NGÀY 1-11-1953 ĐẾN NGÀY 18-4-1954.

Nguyên do tại sao ông Phối Sư THƯỢNG VINH THANH TRẦN QUANG VINH bị bắt?

Ngày 1-11-1953, Phối Sư THƯỢNG VINH THANH đắc lệnh Đức Hộ-Pháp triệu tập một phiên họp gồm 39 vị Chức Sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Phước Thiện. Mục đích chính là bỏ thăm chọn vị Tổng Tư Lệnh Quân Đội Cao-Đài, trong hai vị Sĩ Quan, Thiếu Tướng Nguyễn Thành Phương và Đại Tá Lê Văn Tấn. Phiên họp đặt dưới quyền chủ tọa của Phối Sư THƯỢNG VINH THANH.

Kết cuộc bỏ thăm kín là:

Đại Tá Lê Văn Tấn: 35 lá thăm

Thiếu Tướng Nguyễn Thành Phương: 1 lá thăm

Ngoài ra còn có 3 lá trắng.

Cuộc họp bắt đầu từ 9 giờ ban mai đến 12 giờ trưa mãn hội. Liên đó, thám tử của Thiếu Tướng Phương liền đi báo cáo kết quả của cuộc bỏ thăm này với Thiếu Tướng. Ông này khẩn cấp cho Thiếu Tướng Liên Minh Trịnh Minh Thế hay và thảo kế hoạch tối lại đem binh bao nhà bắt Ông Phối Sư THƯỢNG VINH THANH, bởi hai vị tướng này quả quyết là tại áp lực của Ông Phối Sư nên

Thiếu Tướng Nguyễn Thành Phương thất cử. Tối lại cỡ 8 giờ, trong lúc có ít người bạn và ông Phối Sư vừa dùng xong cơm chiều, thì Tướng Trịnh Minh Thế âm thầm điều khiển binh lính bao vây biệt thự ông Phối Sư mà trong nhà không ai hay biết là cơ nguy sắp tới. Bao nhà xong, Thiếu Tướng Trịnh Minh Thế cho một tên lính vào nhà mời ông Phối Sư ra ngoài nói chuyện và gạt rằng nhờ cậy ông Phối Sư cùng đi với ông Tướng xuống Trí Huệ Cung hầu chuyện cùng Đức Hộ-Pháp. Không thể từ chối, ông Phối Sư cáo lỗi cùng các bạn khách dùng cơm vừa xong để đi một lát, mặc dầu có tâm linh báo hiệu rằng đây là một tin chẳng lành, nên sờ cậy một người bạn hiện diện là Đại Tá Nguyễn Văn Kiệt cùng đi.

Đi xe hơi nhà, xe Ford. Đi một đôi thì Tướng Thế dành lái xe. Ngừng xe lại, Phối Sư giao tay lái, nhân dịp ấy Tướng Thế mời Đại Tá Kiệt ở lại, không cho theo. Phối Sư có cảm tưởng rằng việc chẳng lành sắp tới, nhưng đành bấm gan mà chịu. Tướng Thế lái xe chạy xuống khỏi Qui Thiện rồi trở lại, sau xe có hai tên lính có súng, dọc đường rải truyền đơn nói về vụ bắt cóc ông Phối Sư THƯỢNG VINH THANH, bạn đi cũng như bạn về.

Bạn về cũng về một đường, ra cửa số 2 Tòa Thánh, ngang qua biệt thự ông Phối Sư, đi luôn xuống đất Nghĩa Địa, bỏ xe ven ruộng, chỗ có bốn năm tên lính có súng chực sẵn, dẫn ông Phối Sư đi bộ băng ngang qua ruộng đầy sinh lầy, có lúc phải lội nước sâu tới đầu gối. Lội được chừng ba bốn cây số, bỗng nghe một tiếng nổ vang trời, sau biết lại là Tướng Thế dùng mìn giựt cho nổ tan tành chiếc xe Ford còn mới của riêng ông Phối Sư. Đi gần tới núi, ghé lại một cái chòi tranh nghỉ mệt, nơi đây gặp Đại

Tá Nguyễn Kim Vinh cũng đã bị lính của Thiếu Tướng Thế bao nhà bắt dẫn đến đó đợi.

Nghỉ chừng 15 phút, nội bọn dẫn ông Phối Sư và Đại Tá tiếp tục hành trình, thẳng xông vào núi. Tới chân núi, đi bọc theo chiều dài triển núi, đi khỏi Núi Bà thì tới Núi Heo, lúc ấy khoảng 2 giờ khuya, tới một cái chòi cất trên cao có lính gác, ở tạm nơi đó cho tới sáng. Đường đi gồ ghề, cỏ cây rậm rạp, phải lướt càng đi, gót chân trái của ông Phối Sư bị giày cạ rách da, lở tới thịt, máu chảy đau đớn, cũng phải cắn răng mà chịu, chạy theo đoàn người. Dọc đường lại gặp hai cộng sự viên của Tướng Thế là Nhị Lang và Nguyễn Văn Phương đón sẵn, rồi hiệp đoàn cùng đi cho tới Núi Heo. Nghỉ tạm nơi chòi canh ở chân núi cho đến sáng lối 8 giờ thì họ dẫn leo núi, hết sức cực nhọc cam go và nguy hiểm. 9 giờ rưỡi thì tới chỗ ở của Đại Tá Trương Lương Thiện tạm đóng. Bị giam lỏng nơi đây 7 ngày, Tướng Thế cho lính dẫn đến một nơi khác, dựa bờ núi, trên cao có cất sẵn một mé trại lợp tranh lót vạc tre, để sẵn ba cái còng sắt nối liền vào một cây sắt dài. Đại Tá Nguyễn Kim Vinh bị còng hai chân, còn Phối Sư thì bị còng một chân, có ba nhân viên canh gác thường xuyên, thêm một phụ nữ nấu cơm cũng ở chung nơi chòi canh. Một chập sau thì Tướng Thế với hai lính phụ trách cầm một cây súng máy, hai súng trường, đến quan sát và mắng nhiếc đủ điều nên thậm tệ. Từ đây Phối Sư và Đại Tá Vinh phải chung chịu số phận như vậy, cứ nằm một chỗ mà chịu. Ban đêm lạnh buốt xương vì là nhằm mùa Đông, hơi lạnh trong đá xông ra làm cho lạnh run phát lãnh, không có mền đắp, chỉ có một tấm vải mỏng (tấm drap) choàng đắp hai người tạm đỡ vậy thôi. Có một

điều nên để ý là mé chòi giam lại ngó mặt về hướng Tòa Thánh, trông thấy lầu Hiệp Thiên Đài cao vòi vọi, tiếng trống canh giờ ở Tòa Thánh nghe được rõ ràng.

Bị giam cầm nơi đây lối vài tháng, được mở còng, dời đến một chỗ khác gần bên Tổng Hành Dinh, khỏi còng được vài tuần lễ, lại bị đổi đi nơi khác nữa, nơi này là cựu đường đã bỏ trống, chung quanh có bảng cấm đề hai chữ “*Tử Địa*”. Trước đó, Thiếu Tướng Trịnh Minh Thế đã bí mật ra lệnh cho nhân viên canh gác lớn ra đây làm vách lá che một cái phòng kín, có lót vạc tre và để sẵn ba cái còng dính trong cây sắt dài y như lúc Phối Sư và Đại Tá Nguyễn Kim Vinh bị nhốt lúc ban sơ. Dẫn đến nơi này, hai tù nhân bị nhốt còng lại một phen nữa, rồi từ đây nằm đó mà chịu số phận. Tưởng vậy là êm, không ngờ ít ngày sau có lệnh Tướng Thế bảo nhân viên đem đến hai giây xiềng bằng lòi tói, xiềng thêm vào hai chân, nghĩa là phía hai đầu lòi tói có hai khoen sắt có vạnh chốt khóa, và được mở ra để cho đi tiêu, tiểu hoặc đi tắm, nhưng vẫn mang sợi lòi tói theo, vì hai đầu lòi tói bị hai khoen sắt dính vào chân, phải mang luôn cả xiềng và lòi tói mới bước được. Mỗi tuần lễ, được phép đi tắm một lần, luôn dịp giặt quần áo, tắm một nơi có mỗi nước cách xa chỗ giam lối 300 thước.

Phối Sư Thượng Vinh Thanh và Đại Tá Nguyễn Kim Vinh đồng bị chung một hoàn cảnh, nhưng vài tuần sau thì có lệnh phải xếp hai sợi giây lòi tói của Đại Tá cho cụt, thành thử lúc đi tắm đường xa mà phải nương theo sợi lòi tói đã rút ngắn để bước từ bước một cũng như người đàn bà mới sanh phải từ từ mà bước. Còn Phối Sư thì may mắn thay, khỏi bị khâu ngắn giây lòi tói, nên lúc đi

tắm thì tay nường sợi lòi tói cắm trên tay, chân bước đặng bước dài, dễ dàng hơn.

Cả ba nơi giam giữ hai tù nhân không một nhân viên nào của Tướng Trịnh Minh Thế được bén mảng đến, đầu là Đại Tá Trương Lương Thiện, Tham Mưu Trưởng, cũng không biết nơi nào là chỗ giam giữ ông Phối Sư và Đại Tá Vinh.

Trót năm tháng trời chịu đựng khổ nạn, bây giờ đến thời kỳ xem có mồi để dãi là có cảm giác sắp được phóng thích, nhờ sự can thiệp gắt gao tận tình của Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tắc. Ban sơ, sau khi thọ nạn, Đức Ngài cũng nhiều phen can thiệp, nhưng gặp những lời hứa suông của Tướng Thế, cho đến lúc Đức Ngài sắp xuất ngoại sang Pháp, có nhiều nhân vật ở Saigon, như là Đức Quốc Trưởng Bảo Đại và Thiếu Tướng Lê Văn Viễn yêu cầu và thúc giục Đức Hộ-Pháp phải làm thế nào giải thoát cho Phối Sư trước khi sang Pháp. Đây là giai đoạn chót trong sự can thiệp rất quyết liệt của Đức Hộ-Pháp, nên Tướng Trịnh Minh Thế hứa danh dự một phen chót rằng sẽ trả tự do lại cho Phối Sư THƯỢNG VINH THANH trong một ngày gần đây, lại còn định ngày thả.

Tuy nhiên, lần này Tướng Thế dùng một đòn chánh trị để nâng cao oai quyền của người là trước khi trả tự do, người sẽ lập một Tòa Án nhân dân đem Phối Sư ra xử rồi mới thả. Cũng vì lời hứa danh dự ấy nên khi trở về núi, người ra lệnh cho tháo còng, mở xiềng, cho tự do nhưng còn giữ đó. Vài hôm sau, người cho phép Phối Sư và Đại Tá Nguyễn Kim Vinh đến ăn ở chung với nhân viên tại Bộ Tư Lệnh Liên Minh.

Trong thời gian này, Tướng Trịnh Minh Thế giữ thủ

đoạn thiết lập Tòa Án nhân dân dưới triền Núi Bà, định ngày xử và ra lệnh cho toàn dân chúng ở vùng Thánh Địa, phía Núi Bà đến ngày đã định, phải tựu hợp tất cả để dự phiên xử, gia đình nào không đến sẽ bị hậu quả trả thù. Vì thế mà đến ngày xử, có trót mấy trăm đạo hữu cỡi xe đạp đến nơi chực chờ sẵn đó.

Còn phần ông Phối Sư thì có lệnh phải sắp xếp đồ đạc đem xuống núi với lời hứa là sau phiên Tòa xử về “*hình thức*”, sẽ được trả tự do.

Đến ngày xử, lời truyền cho biết đây là Tòa Án Nhân Dân (cũng giống như Cộng Sản). Nhân viên dẫn ông Phối Sư xuống núi, đến nơi để riêng một phòng, cho ăn một buổi cơm sơ sài, rồi đem ra trước Tòa.

Phiên Tòa gồm có Đại Tá Trương Lương Thiện ngồi ghế Chánh Án, hai bên có hai vị Sĩ Quan Liên Minh ngồi tả hữu. Khởi đọc bản cáo trạng và đặt câu hỏi bị can đủ thứ, toàn là những câu hỏi buộc tội, bị can không thốt ra một lời, chỉ có dạ dạ vâng vâng, trông cho xuôi bề, dấu biết mình bị tố cáo oan. Vẫn biết trước là đã có sự sắp đặt về hình thức vì có lời hứa của Tướng Thế là sau phiên xử sẽ thả ngay, nên Phối Sư trông cho mau rồi. Sau bao nhiêu câu hỏi buộc tội, tới phiên Trạng Sư bào chữa: Trạng Sư chỉ định là ông Nguyễn Văn Phương, ông này cũng dùng đủ lý lẽ để bình vực bị can, cũng là hình thức. Kế tiếp thì có ông Hồ Bảo Đạo, Sứ Giả của Đức Hộ-Pháp, vâng lệnh Đức Ngài đến dự phiên xử, được phép nói lên tiếng nói của Hội Thánh. Ông đọc một bài bào chữa, toàn là dùng lời đạo đức, kêu sự khoan dung của Tòa. Khi ông dứt lời, Tòa tạm ngưng lui vào hậu đường lối 15 phút rồi trở ra tuyên đọc bản án: “*Xử tử hình treo 10 năm, cấm không*

cho làm chánh trị, nếu trong thời hạn 10 năm mà còn làm chánh trị thì sẽ bị hành hình". Phiên Tòa đã chấm dứt, nhân viên đều giải tán.

Phối Sư THƯỢNG VINH THANH tưởng đầu vậy là xong, sẽ được trả tự do, dè đầu Tướng Trịnh Minh Thế, từ Tổng Hành Dinh trên núi điện thoại xuống, bảo nhân viên dẫn ông Phối Sư trở lên núi thay vì thả ông. Đây cũng là một đòn tâm lý chánh trị xảo quyết, mặc dầu đã hứa thả sau phiên xử "*hình thức*", Tướng Thế còn dùng thủ đoạn hăm dọa, nghĩa là cho mọi người có cảm tưởng rằng ông Phối Sư bị bắt lại. Có vài đạo hữu của Đức Hộ-Pháp phái đến để rước ông Phối Sư, họ cho biết rằng có lệnh Đức Ngài bảo sau khi ông Phối Sư được thả thì đem vô thẳng Trí Huệ Cung giáp mặt Đức Ngài liền. Nhưng thái độ của Tướng Thế làm cho Đức Hộ-Pháp thất vọng, mà toàn thể chư tín đồ có dự phiên xử cũng đều thất vọng.

Khi ông Phối Sư bị dẫn trở lên núi, đến Tổng Hành Dinh thì Tướng Trịnh Minh Thế không hề nói rõ lý do tại sao bắt trở lên, nhưng ông ra lệnh cho tất cả nhân viên của ông phải đối đãi tử tế, cho ăn chung một mâm, ngủ chung một phòng.

Về phần Đại Tá Nguyễn Kim Vinh, không bị xử nhưng cũng hưởng được chế độ khoan hồng và ưu đãi như ông Phối Sư vậy.

Ở trong tình trạng này lối sáu bảy ngày, thì một hôm, Thiếu Tướng Trịnh Minh Thế ra lệnh cho nhân viên bảo hôm sau đưa ông Phối Sư xuống núi, còn Đại Tá Nguyễn Kim Vinh thì ở lại.

Có lệnh đưa ông Phối Sư về suối Canh Năm, gần

Tòa Thánh. Nơi đây thì đã có mặt Tướng Thế đã xuống trước chực sẵn ở đó. Phen này, xem mời ông Tướng hơi cởi mở, nói chuyện nãy, chuyện nọ với ông Phối Sư và dọn cơm cùng ăn chung mâm, buổi trưa và chiều. Tối lại, lúc 7 giờ, ông Tướng cho người đi xe máy đạp chở ông Phối Sư ra nhà Thiếu Tá Long ở Đại Lộ Bình Dương Đạo, cách Tòa Thánh lối 300 thước với một bao đồ dùng của ông. Lúc ấy trời mưa tầm tã, phải đợi cho tạnh mưa mới đi được, mưa vẫn không dứt, phải nán đợi, vì ngoài đường bị bùn lầy trơn trượt ướt át, không lội được. Ông Phối Sư bèn viết giấy mượn người nhà Thiếu Tá Long đem đến nhà Đại Tá Nguyễn Văn Kiệt mượn xe hơi ra rước, lúc ấy là hơn 8 giờ rưỡi tối. Một chập sau, xe đến rước, ông Phối Sư nhìn lại thì thấy có hai nhân viên của Tướng Thế theo bên gót, họ đi xe máy nên không thể nào theo dõi xe hơi được. Ông Phối Sư bảo tài xế lái xe xuống Trí Huệ Cung, ra mắt Đức Hộ-Pháp. Đức Ngài gặp bất ngờ, tỏ vẻ mừng rỡ, nói "*Hiển Trung đã thoát nạn*". Mời vào phòng khách, thấy trò hàn huyên. Ông Phối Sư thuật lại mọi việc đã xảy ra từ ngày bị bắt bị giam, cho đến khi trả tự do:

Bị bắt ngày 1-11-1953, 8 giờ tối.

Ngày trả tự do 18-4-1954, cũng lối 8 giờ tối, tính ra là 5 tháng 18 ngày.

Tiếp kiến Đức Hộ-Pháp xong, trở về Tòa Thánh lối 10 giờ đêm, nghỉ tại nhà khách Giáo Tông Đường, nhưng luôn luôn lúc nào cũng có mặt vụ của Tướng Thế theo giữ, ban đêm thì họ canh gác phía ngoài nhà khách, còn ban ngày thì hễ ông Phối Sư đi đâu thì phía sau xa xa vẫn có họ theo đó.

Về phần Đại Tá Nguyễn Kim Vinh thì bị lưu lại núi,

chưa được thả, mà Tướng Thế cứ giữ vẻ bí mật, không hề đề cập đến trường hợp của Đại Tá. Nguyên do Đại Tá Vinh bị nạn là do việc “*kinh tài*” mà ra.

Tướng Thế buộc Đại Tá Vinh phải nộp một trăm ngàn đồng bạc mới được tha. Thật ra thì Đại Tá đâu có số bạc to tát như thế mà nộp, nên bị hăm dọa đủ điều. Có lần, nửa đêm khuya, Đại Tá bị dẫn đi, có lính cầm súng máy, súng nút theo, dàn dĩa sắp đặt cuộc khủng bố tinh thần cũng như đem đi bắn (xử tử), dẫn đến một nơi bí mật nào đó, hăm dọa phải nộp số tiền cho đủ thì thoát chết, nhưng tình thiệt nếu Đại Tá Vinh có số bạc thì tiếc gì mà không hứa để chuộc mạng? Đại Tá giữ thái độ bình tĩnh và xin chịu bắn chứ tiền tới một trăm ngàn thì vô phương, nhưng có hứa sẽ viết thư gửi về cho gia đình và bạn bè lo (thư sẽ do nhân viên của Tướng Thế đem đi). Sau sự khủng bố thì Đại Tá bị đem trở lại giam còng lại như trước.

Ngày sau, Đại Tá viết thư cho vợ bảo bán bầy heo đang nuôi được 12 ngàn đem nộp. Viết thư cho Đại Tá Nguyễn Văn Kiệt gửi thêm được 30 ngàn. Viết thư cho các bạn bè khá giả có trại cửa, gom góp được 60 ngàn, cũng đem nộp, vị chi tất cả là 102 ngàn, thay vì 100 ngàn. Mặc dầu Tướng Thế có hứa với Đại Tá Vinh rằng khi nào nộp đủ 100 ngàn thì thả ngay, thả liền, nhưng khi nộp xong, Tướng Thế lại làm lơ, không thả.

Ấy là đại cường, còn tiểu tiết trong lúc bị giam, nhất là về phần khủng bố tinh thần không sao kể xiết.

Lúc Ông Phối Sư THƯỢNG VINH THANH ở nhà khách Giáo Tông Đường

Bị giam cầm ở Núi Heo (đầu Núi Bà) hết 5 tháng 18 ngày, khi được thả về Tòa Thành, tướng đầu tai nạn đã mãn, không dè còn bị Tướng Thế dùng thủ đoạn khùng bổ thêm nữa. Bị nhân viên mật vụ của Tướng Thế theo sát bên chân, lúc nào ở trong phòng thì bị gác phía ngoài, nghĩa là không phương trốn thoát được. Lúc đi ra ngoài thì vẫn có họ theo giữ. Anh em trong hàng Chức Sắc cũng dè dặt, khi đến thăm thì chỉ nói về việc Đạo chứ không dám hỏi han về việc bị bắt bớ giam cầm. Lại có người đến thăm ông Phối Sư bị mật vụ biên tên, nên họ rất sợ sệt, bởi lúc đó ai cũng ngán hành vi của Tướng Trịnh Minh Thế. Biên tên người đến viếng đây là một hình thức hăm dọa vậy thôi, chứ về sau không có Chức Sắc nào bị trả thù.

Hết sức bực mình khó chịu, nên ông Phối Sư THƯỢNG VINH THANH viết thư cho Đức Hộ-Pháp lúc ấy đã sang Pháp rồi, tỏ vẻ lo âu, sợ Tướng Thế cố tâm bắt trở lại thì phen này khó gỡ. Lê Sanh Ngô Khai Minh dâng ý kiến xin Đức Ngài cho phép đánh điện tín về Tòa Thánh, đòi gọi Phối Sư THƯỢNG VINH THANH sang Paris để phổ thông chơn Đạo. Đức Hộ-Pháp đồng ý, thế là điện tín được gửi đi liền theo đó.

Ở Tòa Thánh, ngày 21-6-1954, lối 9 giờ sáng, trong khi ông Cao Tiếp Đạo cũng ngụ tại nhà khách Giáo Tông Đường, ông Phối Sư THƯỢNG VINH THANH và Đại Tá Nguyễn Văn Kiệt đang ngồi trò chuyện nơi bộ salon để giữa hành lang, thì có Thơ Lại mang đến một điện văn gửi cho Hội Thánh. Lúc đó, ông Cao Tiếp Đạo đã là Cố Vấn Hành Chánh Đạo, thế Phối Sư THƯỢNG VINH THANH, nên ông nhân danh Hội Thánh nhận bức điện văn. Giở ra xem thì thấy Đức Hộ-Pháp ra lệnh cho Hội

Thánh phải truyền bố tức cấp Phối Sư THƯỢNG VINH THANH qua Pháp hành Đạo. May là điện văn bằng tiếng Pháp, văn phòng Thơ Lại không ai biết chữ Pháp mà đọc và cũng không ai để ý nên không một Chức Sắc nào hiểu việc này ngoài ông Cao Tiếp Đạo.

Phối Sư bèn bàn với ông Tiếp Đạo và Đại Tá Kiệt nên giữ bí mật việc này, khoan trao bức điện tín cho Hội Thánh, vì nếu Hội Thánh hay thì đổ bể ra, ắt là Tướng Thế sẽ hay, mà Tướng Thế hay thì phần chắc là sẽ ngăn cản và còn có thể bắt ông Phối Sư đem giam trên núi một phen nữa, mà phen này có thể nguy hiểm hơn phen trước.

Phối Sư lại thảo kế hoạch: “Sẵn Đại Tá Kiệt có xe hơi nên mượn xe, định sáng hôm sau thì đưa ông Phối Sư về Saigon, việc này phải giữ hết sức bí mật, sợ lộ ra cho Tướng Thế hay thì mọi việc đổ vỡ. Còn bức điện tín thì ông Tiếp Đạo giữ đó, đợi ông Phối Sư đi rồi sẽ trình lên Hội Thánh.

Ngày 22-6-1954, 5 giờ sáng, Đại Tá Kiệt đã đem xe hơi đậu bên ven rừng Thiên Nhiên chực sẵn, ông Phối Sư nghe tiếng xe thì đã hiểu ý, liền cùng với đạo hữu Tiên là Tiểu Đồng của ông mang khăn áo ra xe, lòn phía cửa sau nhà khách, qua cửa hông hàng rào chạy bọc dài theo rừng Thiên Nhiên, đến xe có tài xế mở sẵn cửa, ông Phối Sư nhảy lên, xe rời Tòa Thánh tức cấp. Tiểu Đồng Tiên ở lại rơi lụy. Đại Tá Kiệt đưa Phối Sư tới cửa số 4 thì xuống xe ở lại, chỉ còn lại trên xe có tài xế, một phụ xế và ông Phối Sư THƯỢNG VINH THANH. Lúc ấy trời chưa sáng, mấy nhân viên canh gác thức khuya, họ mệt mỗi ngủ mê nên không hay biết chi hết.

Sáng ngày (22-6-1954), lúc 8 giờ rưỡi, nhân viên

canh gác không thấy ông Phối Sư ra ngoài như thường bữa, họ vào phòng xem trống, họ hỏi đạo hữu Tiên là tiểu đồng của ông Phối Sư, tiểu đồng làm bộ ngờ ngác, nói không biết ông thức dậy rồi đi đâu đó. Họ gạn hỏi rồi tát em Tiên mấy cái nẩy lửa, cũng may là họ không tra khảo, để ngày giờ đi báo cáo với Tướng Trịnh Minh Thế.

Cũng giờ ấy (8 giờ rưỡi), ông Phối Sư đã tới Saigon, thay vì bảo tài xế đưa ông về nhà, ông bảo đưa ông qua Tổng Hành Dinh Bình Xuyên, bên kia cầu chữ Y. Ấy là kế hoạch phòng khi tài xế trở về Tòa Thánh mà lộ liễu thì trả lời bằng sự thật là có đưa ông Phối Sư qua Tổng Hành Dinh Bình Xuyên. Nơi đây ông Thiếu Tướng Lê Văn Viễn và các anh em, trong đó có bạn Trần Văn Ân, đều mừng rỡ. Thiếu Tướng Viễn mừng ôm ông Phối Sư vào lòng để tỏ vẻ vui mừng, nhất là biết ông còn sống trở về, vì lúc ấy thiên hạ đồn đãi là Tướng Trịnh Minh Thế có thể thủ tiêu ông rồi. Ông Phối Sư ở Tổng Hành Dinh Bình Xuyên trọn ngày, chiều lại thì Thiếu Tướng Lê Văn Viễn cho xe đưa ông về nhà ông ở đường Trần Hưng Đạo.

Thời Gian Ông Phối Sư Ở Saigon Và Sang Pháp

Nghỉ dưỡng sức ba hôm, ông Phối Sư đến dinh Gia Long viếng Thủ Tướng Bửu Lộc và Đồng Lý Văn Phòng Ứng An. Vì có cho hay trước, nên khi ông Phối Sư đến thêm cửa thì được tiếp rước bằng lễ nghi quân cách, vì đầu sao ông cũng là cựu Tổng Trưởng Bộ Quân Lực và Bộ Quốc Phòng.

Thủ Tướng tiếp kiến ông Phối Sư tại văn phòng. Sau cuộc bắt tay mừng rỡ và chuyện trò trót nửa giờ, ông Phối Sư thưa dịp xin Thủ Tướng cho phép xuất ngoại sang Pháp dưỡng bệnh, được chấp thuận dễ dàng và liền đó Thủ

Tướng bảo Hoàng Thân Ứng An làm giấy phép trao liên.

Ngày 30-6-1954, nhân một buổi cơm thân mật do Thiếu Tướng Lê Văn Viễn khoản đãi để mừng ngày hội ngộ, ông Phối Sư bèn xin ông Tướng ra lệnh cấp cho một giấy thông hành (passeport) sang Pháp, vì lúc ấy Sở Công An của Chánh Phủ thuộc về quyền của người. Sẵn dịp có ông Tôn, Chủ Sự Phòng Thông Hành, Thiếu Tướng bảo ông này sáng mai làm sẵn rồi tối đem lại nhà cho Thiếu Tướng và mời luôn ông Phối Sư tối mai đến chơi, luôn dịp nhận thông hành. Sự việc được mau lẹ dễ dàng là nhờ ông Phối Sư có sẵn giấy thông hành cũ và có sẵn hình để dán vào.

Ngày đáp phi cơ sang Paris là ngày 4-7-1954.

Ngày 5-7-1954, lối 10 giờ, đã đến phi trường Orly có Lê Sanh Ngô Khai Minh đem xe hơi ra đón, rước về khách sạn Georges V là nơi Đức Hộ-Pháp cư ngụ. Cô Ba Cẩm và ông Hồ Bảo Đạo cũng ngụ nơi đây, còn bốn bộ của Đức Hộ-Pháp thì ở khách sạn khác cũng gần đó, gồm có ông Giáo Sư Thượng Tuy Thanh, Đại Tá Lê Văn Tất, Trung Tá Nguyễn Thái và đạo hữu Quang.

Đức Hộ-Pháp gặp lại ông Phối Sư, cũng tỏ vẻ mừng rỡ và hỏi han chuyện trò. Ông Phối Sư thuê phòng ở luôn tại khách sạn này. Từ đây ông Phối Sư mới được yên dưỡng nơi đây cho đến ngày 20-7-1954 là ngày Đức Hộ-Pháp và đoàn tùy tùng hồi hương. Tính ra là Đức Ngài sang Pháp từ 20-5-1954 cho đến ngày trở về Tòa Thánh là 20-7-1954, trọn vẹn hai tháng.

Sau ngày 20-7-1954, ông Phối Sư THƯỢNG VINH THANH rời khách sạn Georges V đi Nancy thăm hai đứa

con trai đang du học. Mười ngày sau trở về Paris dưỡng sức cho đến ngày 4 Novembre 1954 mới trở về Saigon.

Tới đây là chấm dứt một giai đoạn lịch sử mà Phối Sư THƯỢNG VINH THANH thủ vai tuồng chính, lúc vinh cũng như hồi nhục.

Viết tại Tòa Thánh Tây Ninh

Ngày rằm tháng Hai năm Nhâm Tý (dl. 29 Mars 1972)

Phối Sư THƯỢNG VINH THANH

TRẦN QUANG VINH

NHỮNG NÉT “THĂNG TRẦM” TRONG ĐỜI HÀNH ĐẠO

Sau khi viết xong ba bài tường thuật ba tai nạn Việt-Minh, Pháp và Liên-Minh, tác giả tưởng cũng nên lược thuật sơ qua khoản “*Đời Hành Đạo*”, biết bao nhiêu vinh nhục thăng trầm.

Mục phiêu chính là nhắc lại khoản “*Vàng lỉnh Anh Cả Quyền Giáo Tông và Đức Hộ-Pháp*” ra mắt nhơn sanh tại Đại Đồng Xã Tòa Thánh Tây Ninh ngày 17-10-1961 (âm lịch 8 tháng 9 Tân Sửu).

Thứ nữa là nhắc lại giai đoạn trọn lo cho Đạo, đương “*bồng*” trở nên “*trầm*”, bị ngưng quyền chức ngày 26-5-1964 (âl. 15-4 Giáp Thìn) để chờ lệnh mới.

Tác giả nhập môn tại Kim Biên (Nam Vang) năm 1927 và từ đó cố tâm học tập và nghiên cứu các sách vở nói về Đạo Cao-Đài, mà quan trọng nhất là các bài Thánh Giáo dạy Đạo, dạy tổ chức có luật, có pháp, v.v... Mỗi mỗi đều tìm tòi học hỏi với Đức Hộ-Pháp lúc ấy là công chức đổi lên Kim Biên làm việc, nhưng đó là quyền năng Thiêng Liêng của Đức Chí-Tôn chuyển cho Đức Hộ-Pháp đến mở Đạo tại Tân Quốc (Cambodge).

Buổi ấy, Tân Quốc đặt dưới quyền bảo hộ cũng như đô hộ của Pháp Thực Dân, nên trong việc hành Đạo và phổ thông chơn Đạo gặp rất nhiều trở lực trong vấn đề tự do tín ngưỡng.

Tác giả chỉ là một công chức, mặc dầu bị ở trong khuôn khổ khắt khe của nhà cầm quyền Pháp, nhưng

cố tìm phương binh vực Đạo, dám viết thư kêu ca đến Chính Quốc. Pháp quốc là một nước dân chủ tự do, nên có nhiều người tốt để ý và binh vực Đạo.

Giai đoạn đầu của Đạo Cao-Đài tại Kim Biên bị áp chế, bắt bớ, tác giả gom góp đủ tài liệu gửi sang Pháp đăng tải trong các báo xuất bản tại Pháp để lưu ý nước Pháp nên ban tự do tín ngưỡng cho Đạo Cao-Đài trên toàn cõi Đông Dương. Bao nhiêu bài báo được đóng thành tập, tựa đề là: “*Les Martyrs De La Foi Nouvelle*” [1], một tài liệu quý giá dành cho các Sử Gia nếu cần nghiên cứu.

Chịu đựng sự áp lực của Chánh Quyền Bảo Hộ từ lúc mới nhập môn (1927) trong thời gian ba năm.

Qua năm 1931, một dịp may đưa đến là tác giả có dịp đi dự cuộc Đấu Xảo Quốc Tế tại Pháp Quốc, ở trọn một năm tại Paris, nhờ cơ hội này mà rộng giao thiệp với nhiều nhà tai mắt, nhất là Hội Nhân Quyền, và cũng nhờ bao nhiêu bài báo của người Pháp nhân đạo can thiệp, nên đến tháng Hai năm 1932, Thượng Hạ Nghị Viện Pháp biểu quyết một đạo luật ngày 15-2-1932 nhìn nhận sự tự do tín ngưỡng cho Đạo Cao-Đài và ân xá cho tất cả tín đồ nào đã bị phạt vạ.

Cũng nhờ dịp này mà phổ độ được 15 người Pháp toàn là nhà trí thức, trong số này có 5 vị được phong chức phẩm của Đạo.

Tuy nhiên, sự dễ dãi của Chánh Quyền Pháp có hạn. Một thời gian sau, sự áp chế lại tái diễn đến tột độ.

Năm 1941, Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tác, Giáo Chủ Đạo Cao-Đài bị nhà cầm quyền Pháp bắt với 5 vị Chức Sắc cao cấp lưu đày qua hải đảo Madagascar. Đó là

nguyên do khiến cho các tín đồ phẫn uất, đứng lên hiệp tác với Quân Đội Nhứt Bổng chống chánh quyền Pháp tại Đông Dương, dưới quyền lãnh đạo của một Chức Sắc, đó là Giáo Sư Trần Quang Vinh, được bốn đạo nhìn nhận là Đại-Biểu Đạo Cao-Đài (1942). Đêm 9-3-1945, tín đồ Cao-Đài hiệp với Quân Đội Thiên Hoàng đảo chánh Pháp được thành công.

Đây nói rõ về nguyên do thúc đẩy ông Giáo Sư Đại Biểu dám ra đứng mũi chịu sào chống Pháp. Sau lưng thì có một hậu thuẫn tinh thần trót hai triệu tín đồ, trong ấy số thanh niên ái quốc không thiếu. Kể ra thì mỗi tín đồ đều có tinh thần ái quốc.

Phần tác giả thì có chí dám hy sinh, noi gương các bậc tiền bối, bởi nhận định là cơ hội đã đến, nên lướt tất cả các trở lực, dầu thấy sự chết trước mắt. Quan niệm riêng của tác giả là "*Sống vì Đời, Thác vì Đạo*". Mà đâu cũng có số mạng trời định, cũng nhờ đức tin trọn vẹn nơi Đức Chí Tôn không sợ chết thì tự nhiên phải sống mà làm cho tròn sứ mạng.

Làm xong sứ mạng Đời, cõi được ách nô lệ cho giống nòi, cũng chưa hết phận sự.

Phận sự đây là phải lo cho Đạo, dùi dất nhân sanh trên con đường Thánh Đức. Vì thế mà phải trở về Tòa Thánh Tây Ninh xin phục vụ Hội Thánh.

Đầu năm Nhâm Thìn (1952) về Tòa Thánh hành Đạo vì đã thăng phẩm Phối Sư từ năm 1947, mà Luật buộc Phối Sư phải ở tại Tòa Thánh.

Hội Thánh, do nơi Đức Hộ-Pháp, Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài, ban cho nhiều trách nhiệm lớn lao là

Phối Sư Cố Vấn cho ba vị Chánh Phối Sư, kiêm Thượng Thống Hộ Viện, và thêm nhiều phận sự đặc biệt như:

- Cố Vấn cho Chỉ Huy Cơ Thánh Vệ
- Trưởng Ban Kinh Tế
- Tải Thơ Lịnh (chức này thay quyền cho 3 Chánh Phối Sư tiếp quan khách ngoài Đời và đi dự các Hội nhóm Đời mỗi khi có thư mời).
- Tổng Giám Đốc Ban Kinh Tế Trung Ương tại Tòa Thánh
- Nghị Trưởng Hội Đồng Tối Cao
- Trưởng Ban Phổ Tế Hải Ngoại
- Đại Biểu Cao-Đài 1942–1946
- Đại Biểu Quân Sự Cao-Đài 1947–1951

Miệt mài lo phục vụ Đạo cho đến ngày 1–11–1953 bị Thiếu Tướng Liên Minh Trịnh Minh Thế vì bất đồng chánh kiến bắt tác giả đem giam vào Núi Bà hết 5 tháng 18 ngày mới trả tự do.

Mãi đến ngày 30–10–1961 (dưới sự lãnh đạo của Ngài Thượng Sanh) mới trở về Tòa Thánh lãnh lịnh mới mà hành Đạo với trách nhiệm là:

- Phối Sư Đặc Nhiệm Cố Vấn cho 3 Chánh Phối Sư
- Giao thiệp với Chánh Phủ và Chánh Quyền Địa Phương
- Giao thiệp với Quốc Tế
- Giao thiệp với các Chi Phái
- Trưởng Ban Huấn Đạo

Tánh chất của tác giả, hễ không làm thì thôi, mà hễ lãnh phận sự thì tận tâm, cũng miệt mài lo cho tròn sứ

mạng. Kỳ này hành Đạo được hai năm rưỡi.

Ngày 27-5-1964 thì nhiệm vụ chấm dứt do bài Thánh Giáo của Đức Lý Giáo Tông giảng tại Cung Đạo Tòa Thánh Tây Ninh đêm rằm tháng Tư năm Giáp Thìn (27-5-1964) ngưng quyền chức trọn cả Hội Thánh lúc đó gồm 8 Phối Sư, 1 Giáo Sư và 1 Giáo Hữu để chờ linh mới.

Mục tiêu của tác giả trong thiên hồi ký này là để lột trần những gì đã xảy ra trong thời gian về hành Đạo.

Ngày về Tòa Thánh, phước Đời hành Đạo là ngày 22-9-1961 (âm lịch 13-8 Tân Sửu). Tạm ở nhà khách Giáo Tông Đường. Mỗi ngày tiếp khách dư trăm, từ sớm mai tới chiều, đến tối. Còn phải đi viếng từ Chức Sắc lớn trong Hội Thánh Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Phước Thiện. Hằng đêm thì có đến năm bảy chục đạo hữu, vì có cảm tình, đến ngủ phía ngoài, bao bọc nhà khách Giáo Tông Đường để giữ gìn an ninh.

Trong lúc đi viếng Ngài Thượng Sanh và ba Chánh Phối Sư thì bày tỏ nguyện vọng là xin lãnh trách nhiệm hành Đạo, dầu cho phạm sự chi cũng nhận vì là có thiện tâm thiện chí.

Đơn xin phục vụ gửi đến Hội Thánh để ngày 28 tháng 8 năm Tân Sửu (dl. 7-10-1961).

Việc Phối Sư THUỖNG VINH THANH ngày nay đã phước Đời Hành Đạo, chư tín hữu đều mừng rỡ, và nhân dịp này, Đức Hộ-Pháp và Anh Cả Quyên Giáo Tông giảng dạy tại nhà Đại Tá Nguyễn Kim Vinh, đêm 29-9-1961 (âl. 16-8 Tân Sửu). Đại khái Đức Hộ-Pháp cho hay rằng Hiến Trung về kịp ngày giờ là đúng Thiên Cơ tiền định, song có điều là trễ mất bốn tháng đặng dự định phương

pháp, làm cho hôm nay phải gấp rút sắp đặt. Bí mật của tạo đoạn là mỗi con giáp định cho một việc, nếu phen này bê trễ thì phải đợi 12 năm nữa mới có một dịp may như vậy.

Phần Anh Cả Quyền Giáo Tông thì sắp đặt Ban Tổ Chức như sau:

- **MINH LƯƠNG:** Phát Thanh Viên
- **MINH (Y TẾ):** Ban Cứu Thương
- **MINH CẢNH:** Hệ thống tuyên truyền và tiếp tay với Minh Lương
- **MINH LIÊM:** Sắp đặt trật tự
- **MINH BỘ:** Ngoại giao và kỹ thuật máy phát thanh
- **MINH TRIẾT:** Ấn loát và biểu ngữ
- **TỬ TRINH:** Mời các Chi Phái và lo phần tiếp tân

Còn bao nhiêu anh em phụ tá với Hiến Trung là kếp chánh. Mục đích là ra mắt Nhơn Sanh, làm lễ tựu chức tại Đại Đồng Xã vào ngày mùng 8 tháng 9 năm Tân Sửu (dl. 17-10-1961).

Đêm mùng 1 tháng 9 Tân Sửu (10-10-1961), Đức Hộ-Pháp đến căn dặn các anh em lãnh nhiệm vụ nơi Anh Cả, phải chuẩn bị nhân viên cùng phương tiện đầy đủ.

Về thư mời, phải sắp sẵn và trao đến tay trước hai ngày. Đức Hộ-Pháp dạy Hiến Trung phải đích thân viết thư mời Chánh Quyền Trung Ương, các nhà Ngoại Giao do Bộ Ngoại Giao chuyển dùm, cùng Báo Chí, đến Tòa Thánh dự lễ tựu chức của Phối Sư THƯỢNG VINH THANH, đồng thời mời cả Chức Sắc nam nữ lương Đài cùng Hội Thánh đến dự lễ ra mắt.

Về thư mời Chức Sắc Hội Thánh và các cơ quan

Đạo, Đức Hộ-Pháp lại dạy đợi đến ngày lễ ra mắt, lúc 7 giờ sáng sẽ đi đến mỗi vị mà mời (thật là cấp bách, song phải vậy mới được).

Cũng trong đàn cơ đêm mừng 1 tháng 9 Tân Sửu (10-10-1961), Đức Hộ-Pháp chỉ giáo thêm và tiếp viết bản “*Tuyên Ngôn*” đã xong đoạn đầu trong đàn cơ đêm mừng 9 tháng 7 Canh Tý (d. 30-8-1960) tại Saigon. Thế là bản Tuyên Ngôn đã thành hình trọn vẹn, cũng do quyền năng thiêng liêng, là có được một bài đặc sắc như vậy. Sau đây là nguyên văn:

BẢN TUYÊN NGÔN

Kính thưa Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
cùng toàn Đạo nam nữ,

Kính thưa quý Quan Khách,

Kể từ ngày nước Việt Nam được may duyên thọ hồng ân của Đấng Cha lành chung cho vạn quốc, hoằng khai Đại Đạo, ân xá kỳ ba cho toàn thể nhơn loại trên quả địa cầu 68 này thì cũng là ngày nhơn loại bước vào đường trả sạch quả căn hầu tạo lại một thế giới huynh đệ công bình và bác ái.

Tưởng lại nghiệp chướng của toàn nhân loại trải qua thời gian tạo thiên lập địa, vì tranh đua còn mất trong bả lợi danh, mùi phú quý vinh hoa là lẽ sống còn mà đã tạo nên đây đây tội lỗi. Vì cố, cả nhân loại đã chẳng biết coi nhau là “*xương trắng máu hồng*”, mà trái lại trở thành “*máu nẫu xương mềm*”, khiến bao cảnh tang thương hằng diễn.

Biết bao người đã từng hy sinh cuộc sống, từng đổ biết bao mồ hôi, từng hao biết bao trí não đặng kiếm lẽ

sống còn cho nhân loại, nhưng ô hô! Họ đã vô tình tạo ra cảnh chết. Ấy chỉ vì một lẽ duy nhất là thiếu đạo đức làm căn bản cho sở hành. Lại nữa, các nhà độ thế trên tinh thần, lúc sau này quên hẳn hòa hợp vạn linh mà còn tạo thêm điều hà khắc, ấy cũng vì nhìn vào quyền lợi riêng phần ảnh hưởng riêng phái, tự cao tự trọng, chẳng chịu nghiên cứu kỹ càng, không phân hơn thiệt về điều kiện địa dư và thời cơ khai Đạo, chỉ một mực thấy một mà chẳng chịu nhìn xa, hỏi thử Tôn Giáo đã vậy thì Đời còn bao nã?

Trải qua ba mươi sáu năm khai Đạo cứu Đời, Đấng Cha Cả nhân sanh đã phải biết bao lụy nhỏ trước thảm trạng giết chóc, đọa đày các vị tiên phong cầm cờ cứu khổ. Thật vậy, kể từ lúc ban sơ, vào năm khai nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đặng giảm và chấm dứt nạn “*kỳ thị Tôn Giáo*” cũng như nạn “*kỳ thị chủng tộc*” mà Đạo Cao-Đài đã bao phen khổ não.

Nhìn lại cuộc biến chuyển của thế tình trải qua bao trang sử mà các sử gia phải lăm mỗ hôi, nhiều giấy mực, đặng rồi truyền cho đến ngày nay, cảnh tranh giành của bả phú quý diễn thành trường huyết lệ làm cho nhân loại phải oằn oại đau khổ rên la, thử hỏi cả trí thức tài danh, những nhà lãnh đạo quốc gia của các chủng tộc, ai đã biết rửa máu hàn thương, ai đã biết noi gương kim cổ, đặng tạo cho được lấy một chút ân huệ nhưn sanh, hay là họ đã hoặc vô tình hay hữu ý mà khơi thêm lửa đỏ, nung nấu lòng người? Để mà chi? Chỉ chút háo vọng nhứt thời, vì ham danh một thuở mà đành quên nhân nhện hòa ái, khiến cảnh thê lương mỗi ngày thêm chồng chất.

Thảm trạng ấy vẫn là quả kiếp trả vay, song trước tình đồng sanh cũng là điều thảm não, máu chảy ruột

đau chứ đâu phải vô tri vô giác mà đành thân nhiên ngồi nhìn khổ não của đồng loại đang trải qua trước mắt. Với bốn phen đưa tay gạt lệ cho nhân loại, trải thân làm áo tơi cho Đời nung nấu, mà Đạo Cao-Đài, một Tôn Giáo cứu thế kỳ ba do Đức Chí Tôn đem đến cho nhân loại, phải đương nhiên thọ lãnh khổ não của thế tình, cả các bậc Thiên Phong thể Thiên hành hóa đã phải phải hết bụi trần, quên cả xác tục thân phàm mà ra gánh lấy nợ nơn sanh. Vì cố, các thể sự phải phô bày qua các cuộc bắt bớ giam cầm các vị thể Thiên cứu thế, cũng chẳng phải là tấn tuồng mới lạ của một thời đại, mà là lý tưởng đương nhiên chơn pháp bí truyền trong sự rửa tội cho vạn linh mà nhà Tôn Giáo đương nhiên là vậy. Đứng trước cuộc biến thiên hằng diễn, có khổ mới thành, có công mới đắc quả, cả Thiên Phong cùng con cái Đức Chí Tôn luôn mở rộng cửa từ bi, nâng cao cờ cứu khổ, quyết vì nhân loại nói chung, và vì chủng tộc nói riêng, phải đem hết trí não tinh thần mà hòa mình trong mọi đau thương đắng an ủi vỗ về, bình vực cứu độ cho nhau, bởi vậy mà đã cam đành mắt nhắm tai ngơ trước trò cạm bẫy dối lừa của những mưu đồ quỷ kế, mong sao cho tình thương yêu được reo rắc khắp chốn, lẽ công bình được phô tỏa cùng nơi.

Ấy là sứ mạng Thiêng Liêng của người biết Đạo đương nhiên phải có.

Nay là buổi nhân loại tiến sâu vào đường tự diệt, cả tinh thần chỉ biết phục vụ cho bụi tục bến mê mà đường đạo đức phải phai mờ trước bạo lực. Đạo Cao-Đài thay mặt cho Tam Giáo Ngũ Chi đứng ra làm tường ngăn đỡ cường bạo mà cứu độ vạn linh, nên dầu cho qua bao nhiêu biến động thế tình, cả khối tinh thần vẫn tồn tại

và thêm mạnh mẽ đặng đủ quyền lực nâng cơ cứu thế. Vậy Tệ Phẩm là một hột cát trong sa mạc bao la, song tự nhận thấy bốn phận của người biết tông Thiên Mạng, và cũng là do Thiên Mạng định đoạt, mà trước kia, với chút tài mọn trí sơ, đã được Đức Chí Tôn cho để gót từ Á sang Âu đặng mở cơ phổ độ từ Miên qua Pháp, Tệ Phẩm chẳng biết chi hơn là sau khi ơn đáp nghĩa đến cho phần nhân đạo mà ngày nay đến gởi thân cho Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu đặng xử dụng trong cuộc cứu độ Vạn Linh qua thời mạt kiếp, tuy chẳng tự hào là danh cao phẩm trọng, song với bốn phận cứu thế độ đời mà Tệ Phẩm đã được học hỏi nơi các Thiên Phong trên trước, và cũng là nối chí của Đức Quyên Giáo Tông, cùng Đức Hộ-Pháp, Tệ Phẩm tự nhận thấy bốn phận cao cả phải lo tròn và để đền đáp lại các sự hy sinh của cả con cái Đức Chí Tôn, Tệ Phẩm mong rằng cơ cứu khổ được nêu cao và cơ cứu thế được tỏ rạng.

Ấy là lúc Tệ Phẩm cần có mặt đặng phục vụ cho nhơn sanh kể từ nay đó, và cũng là để khơi lại chơn lý cứu thế của Tôn Giáo đối với Đời là hệ trọng đường bao... với đôi lời tiên tri của Đại Từ Phụ hằng theo trước mặt nhơn sanh là:

*“Cao Thượng Chí Tôn Đại Đạo Hòa Bình Dân Chủ Mục,
Đài Tiên Sùng Bái Tam Kỳ Cọng Hưởng Tự Do Quyền”*

Đáng lẽ tuyên ngôn này phải do Hội Thánh ban hành, mà Tệ Phẩm là người có trọng trách của Đạo từ trước cũng như tương lai, phải lên tiếng hầu cao tri vạn quốc sự khai mở của nền Đại Đạo, và là bốn phận của người Tôn Giáo trong thời đại.

Tòa Thánh Tây Ninh, Ngày 17 tháng 10 năm 1961

(Mùng 8 tháng 9 năm Tân Sửu)

PHỐI SƯ THƯỢNG VINH THANH

Ngoài Bản Tuyên Ngôn ra, Ban Tổ Chức có lập chương trình lễ như sau đây:

**CUỘC LỄ RA MẮT HỘI THÁNH VÀ TOÀN ĐẠO
CỦA NGÀI PHỐI SƯ THƯỢNG VINH THANH
VỀ TÒA THÁNH HÀNH ĐẠO**

- **7 GIỜ:** Toàn Đạo tựu họp tại Đại Đồng Xã
- **8 GIỜ:** Ngài Thượng Sanh, Chư vị Thập Nhị Thời Quân, Hội Thánh Cửu Trùng Đài, Hội Thánh Phước Thiện, Chức Sắc Thiên Phong Lương Đài, Ngài Phối Sư Thượng Vinh Thanh và quan khách cùng đại diện báo chí đến.
- **8 GIỜ 15: PHÁT NGÔN VIÊN MỜI:**
 - ▶ Đại diện Nhơn Sanh đọc bản tuyên bố
 - ▶ Đại diện Chức Sắc Cửu Trùng Đài đọc bản tuyên bố
 - ▶ Ngài Phối Sư Thượng Vinh Thanh đọc bản tuyên ngôn
 - ▶ Ngài Thượng Sanh phát biểu ý kiến
 - ▶ Ngài Quyển Ngọc Chánh Phối Sư phát biểu ý kiến
 - ▶ Đại diện Sĩ Tái Bộ Pháp Chánh đọc bản kiến nghị
 - ▶ Cho toàn Đạo sắp hàng đi từ Đại Đồng Xã đến Báo Ân Từ và giải tán.

BAN TỔ CHỨC

Cuộc lễ Phối Sư THUỶNG VINH THANH ra mắt Hội Thánh và toàn Đạo là ngày 8 tháng 9 Tân Sửu (dl. 17-10-1961).

Sáng ngày, 7 giờ, đúng theo dự định, Phối Sư đem thư đến mời Ngài Thượng Sanh, nhưng vì sớm quá không gặp mặt được, phải để thư lại, dặn người nhà trao liền cho Đức Thượng Sanh khi Ngài thức dậy. Phần các Chức Sắc lớn và các cơ quan Đạo thì đều có người đi mời. Phần Chánh Quyền Trung Ương, các phái đoàn ngoại giao, báo chí, thì đã gửi thư mời xong cách hai hôm trước.

TÌNH HÌNH PHÍA NGOÀI TÒA THÁNH

Từ 5 giờ sáng, trước Đền Thánh và các cổng vào đều có lính Cảnh Sát canh gác, ngăn chặn không cho đạo hữu vào Nội Ô. Vì lễ này mà có sự chống đối mãnh liệt của chư đạo hữu. Mặc dầu bị lính ngăn cản, nhưng chư đạo hữu đến càng ngày càng đông, nhất là tại cửa số 7, họ chen nhau xô sập cửa, tràn vào như nước vỡ bờ, rồi các cửa khác họ cũng vào được.

Tại Đại Đồng Xã, số người càng lúc càng tăng, lớp thì lên hai khán đài, lớp thì ngồi ngoài sân đờ.

8 giờ rưỡi, ông Phối Sư đến yết kiến Ngài Thượng Sanh. Nhon Sanh thấy vậy, họ cũng kéo róc đến Giáo Tông Đường. Đứng tràn ngập sân, thiếu chỗ, họ tràn ra đường cho tới phía bên Giảng Đường, họ lại còn đem máy ghi âm, loa phóng thanh, vì họ tưởng dời địa điểm tựu họp. Cũng may, là Ngài Thượng Sanh cũng chịu xuống lầu, tiếp ông Phối Sư và nói như vậy: *“Anh đã mời họp tại Đại*

Đồng Xã, thì anh ra đó mà tựu họp". Những người đứng gần đều nghe như vậy, nên họ kéo nhau ra Đại Đồng Xã, còn Ban Tổ Chức thì gỡ ống phát thanh và máy móc dời đi. Vì đó mà nhiều đạo hữu cỡi xe đạp đi khắp các cửa vào Tòa Thánh loan tin rằng Đức Thượng Sanh đã cho phép vào tất cả, nhờ vậy mà các cửa đều được vào tự do. Ước lượng có thể chín hoặc mười ngàn người.

9 giờ, ông Phối Sư THƯỢNG VINH THANH vào Đền Thánh cầu nguyện, rồi ra ngồi trước ngạch cửa, đến 9 giờ rưỡi ông mới ra khán đài.

Hai khán đài và sân Đại Đồng Xã đều chật nghẹt người ta.

Ông Phối Sư ra tới, vừa ngồi thì có ông Trưởng Ty Thông Tin đến chất vấn, hỏi tổ chức cuộc lễ này có xin phép Chánh Quyền chăng? Ông Phối Sư đáp là cuộc lễ ở trong phạm vi Nội Ô Thánh Địa, trong phạm vi đạo giáo, có gửi thư mời Chánh Quyền Trung Ương, địa phương, các phái đoàn ngoại giao và báo chí, v.v... Ông Trưởng Ty ngăn cản và xin đợi lệnh ông Tỉnh Trưởng. Ông Phối Sư buộc lòng phái hai vị Chức Sắc là Giáo Hữu Thượng Ty Thanh và Sĩ Tải Nguyên, mượn xe Cảnh Sát, ra Tây Ninh để tiếp xúc cùng ông Tỉnh Trưởng.

Đợi trót giờ, trong lúc chờ đợi thì có xe đưa hai ông Thượng và Ngọc Chánh Phối Sư đến thương lượng với ông Phối Sư THƯỢNG VINH THANH rằng cuộc lễ gặp lắm điều trở ngại và đã quá trưa rồi, chư đạo hữu đã mệt mỏi (lúc ấy đã quá 11 giờ) và không chắc ông Tỉnh Trưởng đến, nên yêu cầu ông Phối Sư lên đài tuyên bố trình diện thông qua với toàn Đạo rồi cho giải tán.

Nể lời hai vị Chức Sắc cao cấp của Hội Thánh nên ông Phối Sư thừa dịp này bước lên Cửu Trùng Thiên, có máy phóng thanh, tuyên bố cùng chư đạo hữu như vậy:

“Kính thưa chư Chức Sắc và toàn Đạo nam nữ,

Cuộc lễ gặp trở ngại như chư đạo hữu đã mục kiến, không thể đi đúng theo chương trình, nhưng mục chính của nó là ngày tôi ra mắt toàn Đạo, ngày tôi trở về Tòa Thánh hành đạo, từng mạng linh Hội Thánh định phận cho tôi. Bản tuyên ngôn tôi đã soạn sẵn, cùng không ngoài khuôn khổ đạo đức. Vậy tôi xin có lời cảm tạ chư Chức Sắc và toàn thể chư đạo hữu nam nữ có cảm tình đến dự cuộc lễ đồng đạo như vậy. Mặc dầu không thi hành được trọn chương trình đã phát ra, nhưng tôi có dịp may ra mắt toàn Đạo như thế này cũng được thỏa mãn phần nào. Luôn đây, xin Ban Tổ Chức phát Bản Tuyên Ngôn cho mọi người và từ từ giải tán”.

Sau khi ông Phối Sư xuống đài, ông Sĩ Tài Tú đến máy truyền thanh xin chư đạo hữu nán đợi đôi phút để nghe ông đọc bản kiến nghị. Ông Tổng Giám Kiểm Giáo Hữu Thái Thu Thanh có mặt tại đó ngăn cản, không cho đọc. Cùng một lúc, ông Cảnh Sát Trưởng bước lên đài, giục lấy máy ghi âm (micro), dành qua giục lại, không cho đọc bản kiến nghị, và luôn dịp nói: *“Ông Phối Sư đã ra lệnh giải tán nên yêu cầu toàn Đạo giải tán”*. Thế là ông Sĩ Tài Tú phải nhượng bộ.

Trong lúc ấy, ông Giáo Hữu Thượng Tý Thanh và ông Sĩ Tài Nguyên vừa về tới, cho hay rằng ông Tỉnh Trưởng sẽ đến sau.

Lúc này, ông Phối Sư đã trở về nhà khách Giáo Tông Đường là chỗ ông tạm cư ngụ.

Lúc vừa giải tán, thì bất ngờ chư đạo hữu trưng nhiều biểu ngữ đi tuần hành, đi vòng phía sau Đền Thánh, bọc qua Đại Lộ Phạm Hộ Pháp, vừa đi vừa hô to những khẩu hiệu có ghi trong các biểu ngữ, đến Báo Ân Từ mới giải tán.

Thật sự ra thì ông Phối Sư không hay biết chi về các biểu ngữ này. Chư đạo hữu tự làm bí mật, đem theo mình, họ lại có sắp đặt những cây trúc để dài theo mé sân Đại Đồng Xá, khi mãn cuộc lễ họ đồng hè trưng lên để đi tuần hành trong vòng trật tự.

Theo tờ phúc của Tổng Giám Kiểm Giáo Hữu Thái Thu Thanh gửi cho Hội Thánh ngày 18-10-1961, ông có ghi lại các biểu ngữ với những khẩu hiệu như sau:

1. Toàn Đạo đặt trọn tin tưởng nơi ông Phối Sư THƯỢNG VINH THANH.
2. Ông Phối Sư THƯỢNG VINH THANH xứng đáng thay mặt cho cả nhơn sanh.
3. Hoàn toàn tìn nhiệm ông THƯỢNG VINH THANH thi hành trọn đường lối cứu khổ do Đức Hộ Pháp đề xướng
4. Đường lối cứu khổ của Đức Hộ-Pháp trường cửu.
5. Toàn Đạo mong mọi hòa bình và thương yêu.
6. Sự thương yêu không phân biệt ranh giới.
7. Chủ trương của Đạo Cao Đài là trung dung, bất thiên, bất dịch.
8. Đạo Cao Đài trường cửu.

Khi đoàn biểu diễn vượt qua khỏi Đền Thánh, thì Phái Đoàn Tỉnh Trưởng Tây Ninh vừa đến, ông Tỉnh Trưởng quan sát tình hình không có vi phạm đến chánh

trị nên ông trở về tỉnh đường.

Trong phần “*Kết Luận*” của ông Tổng Giám Kiểm, đoạn chót trong tờ phúc ngày 18-10-1961 dâng lên Hội Thánh, có ghi:

Phần trật tự của Cơ Giám Kiểm và Nội Vệ được yên ổn.

Cuộc lễ, mặc dầu gặp nhiều trắc trở, nhưng cũng kết quả trong vòng êm tịnh.

Tinh thần toàn Đạo đối với cuộc lễ này bỗng bật, sôi nổi đến nhiệt độ quá cao.

Ngày 22-10-1961 (âl. 13-9 Tân Sửu), Hội Thánh Hiệp Thiên Đài nhóm họp dưới quyền chủ tọa của Ngài Thượng Sanh, có mời Phối Sư THƯỢNG VINH THANH đến chất vấn về cuộc lễ ngày 17-10-1961. Ông Phối Sư đến trình diện, lại có Giáo Hữu Thượng Tý Thanh đi theo. Mở màn, Ngài Bảo Thế hỏi: “*Anh muốn làm Đầu Sư hay sao?*” Ông Phối Sư đáp: “*Dạ không, không hề muốn làm Đầu Sư. Tôi đã phớt Đồi về đây, có gởi tờ trình Hội Thánh ngày 7-10-1961 xin định phận cho tôi lo lập công hành Đạo*”.

Sau khi trách móc đủ điều về cuộc lễ ra mắt toàn Đạo, ông Phối Sư giải thích cặn kẽ, cúi đầu chịu lỗi xin Hội Thánh tha thứ. Ông đứng dậy toan bái Ngài Thượng Sanh, nhưng vừa cúi xuống toan lạy, ông Giáo Hữu Thượng Tý Thanh cũng làm theo, thì Ngài Thượng Sanh lật đặt bước ra khỏi ghế ngồi, ngăn lại, đưa hai tay ra đỡ và bảo: “*Anh đừng làm vậy không nên, biết lỗi thì thôi, mời anh ngồi lại nói chuyện*”.

Đó rồi các Chức Sắc Hiệp Thiên thảo luận nhau xem coi phải trao quyền chi cho xứng đáng với phẩm

Phối Sư của ông THUỶ VĨNH THANH. Vì trước mặt ông Phối Sư và Giáo Hữu Tý nên việc bàn tính cũng hơi khó, lúc ấy cũng đã quá 12 giờ trưa rồi, nên Ngài Bảo Thế nói với các Chức Sắc nên đình lại, để chiều sẽ thảo luận. Ngài Thượng Sanh và các Chức Sắc Hiệp Thiên Đài đồng ý. Ngài Bảo Thế bảo ông Phối Sư về nghỉ, chiều 16 giờ mời trở lại họp.

Đúng 4 giờ chiều, ông Phối Sư và Giáo Hữu Tý đã có mặt.

Nào ngờ đâu, các Chức Sắc Hiệp Thiên Đài đã tái nhóm hồi 15 giờ và đã đồng ý định phạt cho ông Phối Sư THUỶ VĨNH THANH rồi. Ngài Bảo Thế nói với ông Phối Sư: *"Anh đã có tờ gởi đến Hội Thánh xin định phạt. Vậy Hội Thánh Hiệp Thiên Đài đồng ý giao cho Anh lãnh các trách nhiệm sau đây:*

PHỐI SƯ ĐẶC NHIỆM

1. Giao thiệp với Chánh Phủ và Chánh Quyền địa phương về mặt Đạo.
2. Giao thiệp với các Chi Phái và với người ngoại quốc bằng thư tín về mặt Đạo.
3. Điều khiển Ban Huấn Đạo nơi ngoại ô Thánh Địa để dìu dẫn nhơn sanh khỏi phạm Luật Pháp của Đạo. Phải tòng quyền Thượng Chánh Phối Sư mà hành sự.

Ngài Thượng Sanh hỏi: *"Như vậy Anh bằng lòng chăng?"* Ông Phối Sư đáp: *"Dạ thưa Ngài, dầu Hội Thánh giao trách nhiệm nào tôi cũng xin nhận vì tôi quyết chí phụng sự cho Đạo, tôi xin có lời cảm tạ về hảo ý của Hội Thánh*

Hiệp Thiên Đài”.

Sau lại, đến phiên họp Hội Thánh lưỡng đài ngày 27–10–1961 (âl. 18–9 Tân Sửu), thì toàn Hội Thánh đồng chấp thuận giao cho ông Phối Sư THƯỢNG VINH THANH phẩm tước và nhiệm vụ kể trên.

Ngài Đầu Sư ra Huấn Lệnh số 7 HL ngày 21 tháng 9 Tân Sửu (dl. 30–10–1961) xác nhận việc này. Ông Phối Sư lãnh nhiệm vụ và miệt mài lo tròn phận sự cho đến ngày 15–11–1963 (âl. 28–9 Quý Mão), nhân dịp Đức Thượng Sanh nghỉ dưỡng bệnh một thời gian vô định, nên Hội Thánh Cửu Trùng Đài đồng thanh quyết nghị rằng ngoài trách nhiệm trên đây, giao thêm cho Phối Sư Đặc Nhiệm THƯỢNG VINH THANH Cố Vấn cho ba vị Chánh Phối Sư để điều hòa công việc hành chánh Đạo và dàn xếp nội bộ cho đặng trong ấm ngoài êm (Vi bằng nhóm ngày 13–11–1963 có đến 60 vị Chức Sắc Cửu Trùng Đài ký tên).

Kể từ ngày 11 tháng Giêng năm Giáp Thìn (dl. 23–2–1964) sắp về sau, xảy ra vụ bất đồng ý kiến giữa Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức và Hội Thánh Cửu Trùng Đài. Lúc này tại Tòa Thánh chỉ còn có hai vị Chức Sắc Thời Quân Hiệp Thiên Đài là Ngài Hiến Pháp và Ngài Khai Đạo.

Ba vị Chức Sắc lớn là Ngài Thượng Sanh, Ngài Bảo Thế và Ngài Tiếp Pháp thì đã đi nghỉ dưỡng bệnh.

Vụ bất đồng ý kiến xin lược thuật sau đây:

Hội Thánh Cửu Trùng Đài đã triệu tập Hội Nhơn Sanh tựu lại Tòa Thánh để thảo luận và chung quyết rất nhiều vấn đề cần yếu thuộc phẩm quyền Hội Nhơn Sanh bởi từ lâu, vì thời cuộc mà Hội Nhơn Sanh bị đình bãi đã

nhiều năm qua. Phiên hội kỳ này, Hội Thánh Cửu Trùng Đài định ngày nhóm là 16 tháng Giêng năm Giáp Thìn (dl.28-2-1964).

Ngài Hiến Pháp thì không đồng ý cho nhóm Hội Nhơn Sanh.

Hai đảng tranh chấp nhau bằng văn thư, bên nào cũng dành phần phải về mình, đầy đủ lý lẽ.

LÝ LỀ CỦA NGÀI HIẾN PHÁP

Điều Thứ 1: Đức Lý có cảnh cáo rằng “*nếu nội bộ không điều hòa thì không chấp nhận sự cầu thăng*”.

Điều Thứ 2: Muốn cho có liên lạc giữa Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài thì phải là ông Đầu Sư mới được.

Điều Thứ 3: Mọi vấn đề cần yếu của Đạo thì do Hội Thánh Lương đài giải quyết, khỏi nhờ Hội Nhơn Sanh.

Điều Thứ 4: Ba vị Chánh Phối Sư không đủ thẩm quyền mời vì chưa được hợp pháp hóa.

Điều Thứ 5: Không có khoản nào trong Pháp Chánh Truyền ấn định chức Cố Vấn.

LÝ LỀ CỦA BA VỊ CHÁNH PHỐI SƯ

Điều Thứ 1: Sự cầu thăng chỉ là một khía cạnh trong Hội Nhơn Sanh, Ngoài ra còn phải giải quyết tất cả các vấn đề quan trọng và cần thiết để dâng lên Hội Thánh và Thượng Hội. Đức Lý cảnh cáo, nếu nội bộ không điều hòa, Ngài sẽ không chấp nhận việc cầu thăng. Ngài không hề bảo không nhóm Hội Nhơn Sanh hay là đá động chi đến Hội Nhơn Sanh.

Điều Thứ 2: Lúc này ông Đầu Sư bệnh nên có văn thư số 1004-DS đề ngày 14-11-1963 “ủy nhiệm” cho ba Chánh Phối Sư thế quyền.

Điều Thứ 3: Mọi vấn đề cần yếu của Đạo và thư mời thỉnh của ba Chánh Phối Sư gửi cho Ngài Hiến Pháp đủ bằng cứ sau đây:

- Thư số 90-TM và số 18-NCPS ngày 11-1 Giáp Thìn (23-2-64).
- Thư số 679-NCPS ngày 14-1 Giáp Thìn (26-2-64).
- Thư số 107-TCPS, số 680-NCPS và số 109-TCPS đồng gửi một ngày là Rằm tháng Giêng năm Giáp Thìn (27-2-64).

Mặc dầu thỉnh mời và giải thích đủ lẽ, nhưng Ngài Hiến Pháp vẫn từ khước, không khứng nhóm họp. Hơn nữa có lúc, trước khi hội nhóm, ba vị Chánh Phối Sư hiệp với ông Phối Sư Cố Vấn đến mời tận văn phòng nhưng Ngài Hiến Pháp vẫn từ khước.

Cũng trong Điều Thứ 3, Ngài Hiến Pháp nói khởi nhờ đến Hội Nhơn Sanh, hỏi vậy chứ trong Đạo Luật, khoản quyền hành của Hội Nhơn Sanh đã trở nên vô dụng hay sao?

Điều Thứ 4: Nếu ba Chánh Phối Sư không đủ thẩm quyền vì chưa được hợp pháp hóa thì làm sao dự được vào việc hành chánh đến ngày nay, tại sao Chúc Sắc Hiệp Thiên Đài không can thiệp, không cản ngăn.

Đã có bao nhiêu lần, Hội Thánh Hiệp Thiên và Cửu Trùng chung nhóm thảo luận và biểu quyết mọi vấn đề, nếu bất hợp pháp thì Hiệp Thiên Đài cũng ở trong vòng

“*bất hợp pháp luôn*”.

Hơn nữa, đã có sự ủy nhiệm của ông Đầu Sư trong công văn số 1004-DS ngày 14-11-1963, thì việc ba Chánh Phối Sư mời Ngài Hiến Pháp đó là hợp pháp vậy.

Điều Thứ 5: Trách nhiệm Cố Vấn là do nơi Hội Thánh lương đài trạch cử, mặc dầu là ngoài Pháp Chánh Truyền, nhưng đây chính là do nơi Đức Hộ Pháp Chuông Quân nhị hữu hình đài ân tứ cho. Điển hình, hỏi vậy chứ trong Đạo Luật, trong Pháp Chánh Truyền, có khoản nào nói đến Quân Đội Cao Đài, có khoản nào nói đến địa vị Thượng Tôn Quân Thế hay chăng mà Đức Hộ Pháp vẫn là Thượng Tôn Quân Thế?

Mặc dầu có sự tranh chấp giữa hai đài, nhưng Hội Nhơn Sanh đã thành hình, đến ngày hội vẫn hội, không có Ngài Hiến Pháp đến dự. Nhưng sau bao nhiêu ngày hội họp, bỗng nhiên có Đức Thượng Sanh và Ngài Bảo Thế ở Saigon về Tòa Thánh, chấp thuận đến chứng cuộc hội họp và để lời phủ dụ. Toàn Hội Nhơn sanh đều hoan nghinh. Từ đây mỗi phiên họp đều có vài Chúc Sắc Hiệp Thiên Đài hiện diện.

Ngày bế mạc, cũng có mặt Đức Thượng Sanh, Ngài Bảo Thế và nhiều Chúc Sắc Hiệp Thiên Đài đến dự phiên bế mạc. Mọi sự tranh chấp giữa Hiệp Thiên và Cửu Trùng tạm êm, công việc hành chánh tiến hành đều đều được ba tháng.

Ngày rằm tháng Tư Giáp Thìn (dl.27-5-1964), có đàn cơ tại Cung Đạo, Đức Lý Nhứt Trấn Oai Nghiêm kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ giảng dạy, do nơi nhị vị Chúc Sắc Hiệp Thiên Đài Hiến Pháp và Tiếp

Pháp phò loan.

Cũng vì sự tranh chấp, sự bất đồng ý kiến giữa Ngài Hiến Pháp và Hội Thánh Cứu Trùng Đài, nên toàn cả Chức Sắc Cứu Trùng Đài gồm 8 vị Phối Sư, 1 Giáo Sư, 1 Giáo Hữu đều bị quở phạt như sau:

- Ba vị Phối Sư Thái Bộ Thanh, Thượng Tước Thanh và Ngọc Non Thanh thì được về hưu dưỡng lão.
- Hai vị Phối Sư Thượng Thiện Thanh và Thương Tuy Thanh cũng được về hưu.
- Ba vị Phối Sư Thượng Vinh Thanh, Thái Đến Thanh và Thái Hào Thanh bị ngưng quyền chức cho đến ngày có lệnh mới.

Giáo Sư Ngọc Mỹ Thanh và Giáo Hữu Thượng Tý Thanh cũng chịu biện pháp này.

Ngày 16 tháng Tư Giáp Thìn (27-5-1964), có phản ứng của toàn thể các Chức Sắc kể trên đây trong một phiên nhóm có lập vi bằng, đại ý là:

“Còn nghi vấn, chưa đủ tin hai vị Chức Sắc phò loan. Thoảng như có Đức Lý Giáo Tông giáng, thì không khỏi bị thần diễn của nhị vị phò loan phát xuất mạnh hơn của Đức Lý, nên có thể làm sai lạc Thánh Ý của Đức Lý Giáo Tông.

“Hơn nữa, trong Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn đêm 3 Janvier 1926, Thầy có dạy về “Thủ cơ chấp bút”, có đoạn nói: “Các con đừng tưởng việc bút cơ là tầm thường. Còn việc truyền thần lấy diễn quang, thì ai ai cũng có diễn trong mình, nó tiếp diễn ra ngoài rồi thần của nó viết ra có khi trúng, có khi trật”.

Trên đây là phản ứng nhất thời của tất cả Chức Sắc

trong Hội Thánh Cửu Trùng Đài lúc ấy, nhưng trong đêm 16 tháng Tư, nhóm anh em trong Ban Tư Vấn cầu thỉnh giáo các Đấng tại tư gia của bạn Tử Trình thì có Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, Bát Nương Diêu Trì Cung (thay thế cho Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương Diêu Trì Cung) giáng cơ rầy quở, mà nhất là Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ là thầy của Bạch Vân Động, đại để Ngài nói:

“Thiên cơ mẫu nhiệm biết sao được... Nếu Hiển Trung sớm giác ngộ, còn phương cứu chữa, nó còn nhiều việc lập công phi thường kia mà! Tại sao quá lẩn thẩn như thế được?”

Đức Chưởng Đạo Nguyệt Tâm thì trách móc Hiển Trung, Từ Huệ, Thông Quang, Xích Quang, v.v..., sao mà mê mờ đến nỗi!

Bát Nương thì cho hay: *“Mẹ và Cửu Vị Tiên Nương đổ lệ”* v.v...

Sáng ngày 17, Hiển Trung tiếp được ba bài Thánh Giáo nói trên, tức cấp mời các bạn đến nghe đọc, mọi người rất xúc động.

Anh em luận đàm cùng nhau và để trọn đức tin mà tuân lời các Đấng. Sự tôn vong của Đạo là tùy thuộc thái độ của các Chức Sắc hiện diện.

Đức Thanh Sơn có nói: *“Việc này là Thiên Cơ, mà hễ Thiên Cơ là mẫu nhiệm, làm sao chúng ta rõ thấu sự biến chuyển Thiên Cơ có tầm quan trọng đến bậc nào!”*

Bát Nương có nhắc lại lời phê của Đức Hộ Pháp khi con Mang đem tin tại Nội Chánh. Sau đây là lời Thánh Giáo của Bát Nương:

“Chị nhắc lại Non (Phối Sư Ngọc Non Thanh) lời phê của Đức Hộ Pháp khi “con Mang” vào Nội Chánh. Lời phê ấy ngày mừng 1 tháng 11 năm Đinh Dậu (1957) nói rõ cái nạn hôm nay, sao không ẩn nhẫn thọ khổ để được phẩm vị thanh cao kia chứ”.

Soạn lại lời phê của Đức Hộ-Pháp thì thấy như vậy:

“Con Mang đem tin tại Nội Chánh để tỏ rằng: cơ khảo đảo do nơi Nội Chánh, ta nên tin nơi quyền Thiêng Liêng. Có thể nói rằng, nếu không có quyền Thiêng Liêng vô đối của Đức Chí-Tôn thì cả Chức Sắc Cửu Trùng Đài nơi Nội Chánh bị nạn tiêu diệt mà chớ, chẳng phải như thế mà thôi. Vậy Bản Đạo nói: Cơ khảo đảo ngưng cả quyền tước Chức Sắc Thiên Phong cốt để trừ cái nạn diệt vong của Nội Chánh. Bản Đạo khuyến họ ráng chịu cho tới ngày Bản Đạo trở về nước”.

Ngày 1 tháng 11 năm Đinh Dậu (1957)

Hộ-Pháp (ký tên và đóng dấu)

Với lời phê trên đây của Đức Hộ-Pháp, thì rõ ràng là Thiên Cơ, bởi lời phê từ năm Đinh Dậu (1957) đến năm Giáp Thìn (1964) việc mới xảy ra. Trong những lời bàn bạc thì có nhiều ý kiến trùng hợp nhau là 10 vị Chức Sắc Thiên Phong thọ nạn này để bù trừ cái nạn tiêu diệt tất cả Chức Sắc Cửu Trùng Đài.

Bởi có lời chỉ giáo của các Đấng, nên Phối Sư Đặc Nhiệm THƯỢNG VINH THANH có viết một bài “*Nhân Định Về Sự Tồn Vong Của Nền Đại Đạo*” như sau và gửi cho tất cả Chức Sắc Thiên Phong Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài.

NHẬN ĐỊNH VỀ SỰ TÔN VONG CỦA NỀN ĐẠO ĐẠO

Trong trường hợp “*tuân*” hay “*không tuân*” bài Thánh Giáo của Đức Lý Nhất Trấn Oai Nghiêm kiêm Giáo Tông Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, giảng cơ tại Cung Đạo Tòa Thánh Tây Ninh đêm Rằm tháng Tư năm Giáp Thìn (dl. 26-5-11964).

I. TRƯỜNG TÔN

Tám vị Chánh Phối Sư và Phối Sư, 1 Giáo Sư, 1 Giáo Hữu, tất cả là 10 vị Chức Sắc đầu não của Hội Thánh, sau khi nhận xét sự lợi hại cho nền Đạo, đồng thanh ký tên công nhận và trọn tuân mạng lệnh của Đức Lý Giáo Tông.

Xét Nhận:

a/. Nền Đạo do cơ bút lập thành, thì việc lập đàn cơ trước Bửu Điện Đền Thánh là nơi tập trung cả sự tín ngưỡng của toàn Đạo phải được tôn kính.

b/. Hai vị Chức Sắc Hiệp Thiên Đài phò loan là nhị vị Thời Quân (Hiển Pháp Trương Hữu Đức và Tiếp Pháp Trương Văn Tràng) của Đức Chí-Tôn đã chọn từ buổi khai Đạo, đã minh thệ giữ dạ vô tư. Hơn nữa, đã có Thánh Giáo Đức Hộ-Pháp xác nhận là từ đây hai vị Thời Quân phò loan kể trên thay thế cho cặp cơ Phong Thánh là Đức Hộ-Pháp và Đức Cao Thượng Phẩm.

c/. Thái độ của 10 vị Chức Sắc đã kể tên trong Thánh Giáo đều do nơi quyền Thiêng Liêng giảng dạy, ai không tin là còn có ý mơ hồ, phận ai nấy lãnh trách nhiệm.

d/. Về tương lai, các Chức Sắc Hiệp Thiên Đài xem xét thái độ của Chức Sắc Cửu Trùng Đài, sẽ vững đức tin, tiếp tục phò loan để nối liên lạc giữa Bát Quái Đài

và Cửu Trùng Đài mỗi khi cần. Như vậy thì sự liên quan mật thiết giữa ba đài, Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài sẽ được trường tồn mãi mãi.

e/. Các Chức Sắc Đại Thiên Phong Cửu Trùng Đài cúi đầu tuân lệnh là tạo một tiền lệ cho đoàn hậu tấn, nhất là cho các Chi Phái Đạo, khi hiệp về Tòa Thánh, thấy cái gương của các Chức Sắc Tòa Thánh, thì cũng phải noi theo, nghĩa là họ phải trọn tuân các Thánh Giáo mà hậu lai họ có thể thọ một chức phẩm kém hơn chức phẩm của họ ở bên Chi Phái.

f/. Gương các Chức Sắc Cửu Trùng Đài sẽ tạo một phản ứng mạnh mẽ cho toàn Đạo là trọn tuân lệnh Thiêng Liêng, mặc dầu là lệnh gắt gao như trường hợp vừa rồi. Thái độ ấy sẽ làm cho các Chức Sắc Hiệp Thiên Đài mẫn phục, mới tạo ra cơ hội cho có cuộc tiếp tục phò loan tại Cung Đạo cho Đức Lý giảng chấm phong cho những đạo hữu có công và thăng thưởng Chức Sắc xứng vị, chiếu theo thông qui của Hội Thánh Cửu Trùng Đài do Hiệp Thiên Đài dâng lên.

Nhờ đức tin vững, nhờ sự thương yêu hòa thuận của toàn thể con cái Chí-Tôn mà Đức Lý đã ban đặc ân hứa rằng từ đây, Ngài sẽ thường giáng để nâng đỡ Chức Sắc, Ngài lại còn cho phép Hội Thánh dâng thông qui cho Ngài chấm thăng.

Các khoản nhận định trên đây có thể là điều đại khái cho sự Trường Tồn của nền Đại Đạo.

II. VONG BỔN

Xét Nhận: Trong trường hợp luận khùng, bàn

nhảm, thì sẽ có các tai hại kể sau đây:

a/. Nếu phủ nhận bài Thánh Giáo của Đức Lý Nhưất Trấn Oai Nghiêm kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ngày rằm tháng Tư năm Giáp Thìn (dl. 26-5-1964) giảng tại Cung Đạo Tòa Thánh Tây Ninh, là phủ nhận tất cả các Thánh Giáo từ xưa đến nay.

b/. Nếu không nhìn nhận, thì tức nhiên cả Chức Sắc Cửu Trùng Đài phải phản đối, mà hễ phản đối thì phải bắt chẹt từ tiếng nói, từ chữ, từ ý nghĩa, từ câu văn, mà nhưt là bắt bẻ về Luật Đạo, lại còn dẫn tích nguyên do tại sao?

c/. Trong trường hợp trên đây thì sẽ có sự bất đồng ý kiến giữa Chức Sắc Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài, mà có lẽ rồi những sự việc có thể xảy ra sau đó sẽ là hậu quả làm cho Chức Sắc trong hàng Thời Quân rút lui khỏi Tòa Thánh.

d/. Điều trọng hệ nhưt là Cơ Phong Thánh ngưng hoạt động, thì bao nhiêu sổ cầu phong và cầu thăng bị đình đái, bao nhiêu công trình trong kỳ Hội Nhơn Sanh vừa qua phải bỏ hết, làm cho bao nhiêu người thất vọng. Hơn nữa, trong bài Thánh Giáo, Đức Lý Giáo Tông dạy phải dâng sổ cầu thăng cho người chấm, thì tức nhiên sổ cầu phong cũng vậy. Ngài lại cho hay rằng từ đây sẽ thường giảng đặng nâng đỡ Chức Sắc. Nếu không có cơ bút thì làm thế nào Ngài Giảng?

e/. Yếu tố của Nhơn Sanh. Ý là Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài hòa thuận nhau mà nhơn sanh còn bông bột, nếu bất hòa thì nhơn sanh sẽ nương theo đó mà làm rối loạn Chơn Truyền đến thế nào nữa! Nhơn sanh chỉ thấy cái lợi bề ngoài mà không thấy cái hại bên trong. Còn

phần Chức Sắc Cửu Trùng Đài thì sáng suốt, nếu nhận định lầm lẫn thì nên Đạo sẽ bị tan rã.

f/. Hiệp Thiên Đài là hỗn, còn Cửu Trùng Đài là xác, mà xác không hỗn thì làm thế nào sống nổi?

Nhắc lại một câu của Đức Hộ-Pháp giảng dạy tại Đàn Cơ Đạo Pháp đêm mừng 1 tháng 10 năm Quý Mão (16-11-1963):

“.....Chớ nên để kẻ lợi dụng Đạo tạo danh Đồi mà làm nghiêng ngả nền Chánh Giáo của Chí-Tôn. Dầu sao, Hiệp Thiên Đài cũng là căn bản nền Đạo, nếu phủ nhận, e lỗi Thiên Đình, mà còn chà đạp lên luật pháp Thiên Điều nữa. Ai quấy có phần, rồi trước Thiên Đình thọ tội, không nên vì cá nhân mà thù hiểm hại lẫn thì sự thương yêu có thực hiện được đâu”.

KẾT LUẬN

Vì các yếu tố trên đây, nên 8 vị Chánh Phối Sư và Phối Sư, 1 Giáo Sư, 1 Giáo Hữu, tất cả là 10 vị thủ vai chánh trong Hội Thánh Cửu Trùng Đài, muốn cho sự thương yêu hòa nhã tồn tại, muốn cho nền Đạo vì Đạo chứ không vì áo mũ, đồng cúi đầu tuân theo Thánh Giáo của Đức Lý Như Trăn Oai Nghiêm kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, giảng tại Cung Đạo Tòa Thánh Tây Ninh ngày rằm tháng Tư năm Giáp Thìn (26-5-1964).

Lập tại Tòa Thánh Tây Ninh

ngày 17 tháng 4 năm Giáp Thìn (dl. 28-5-1964)

Phối Sư Đặc Nhiệm

Cố Vấn Hành Chánh Đạo

THƯỢNG VINH THANH

Sau các biến chuyển như đã tường thuật và sau khi gửi bài “*Nhận Định Về Sự Tôn Vong Của Nền Đại Đạo*”, tất cả các anh em đều yên trí tiếp tục lo lập công bồi đức tùy phương tiện riêng của mỗi người. Trong thời gian từ ấy đến nay thì có vài thay đổi:

- Phối Sư Thượng Thiện Thanh đã qui vị.
- Phối Sư Ngọc Mỹ Thanh được tái thủ quyền hành.
- Phần Phối Sư Thái Bộ Thanh được ân huệ của Đức Lý cho tái thủ quyền hành với trách nhiệm Thái Chánh Phối Sư trong khoảng ba bốn năm: Vì kém sức khỏe, nên trong Đàn cơ tại Cung Đạo đêm rằm tháng 11 năm Tân Hợi (1972), Đức Lý cho nghỉ việc.

Về phần tác giả, thì từ ấy đến nay không hề thối chí, vẫn ở Tòa Thánh luôn lo Đạo. Chí hướng là “*Phổ thông ngoại quốc*” và giúp viết “*Đạo Sử*” cho Hội Thánh.

Tòa Thánh Tây Ninh

ngày rằm tháng Tư năm Nhâm Tý (dl. 27 Mai 1972)

PHỐI SƯ THƯỢNG VINH THANH

TRẦN QUANG VINH

Đạo Hiệu HIỂN TRUNG

LÝ LỊCH VỀ PHẦN ĐẠO

Chí Tôn giảng cơ tại Nam Vang (Cao Miên) do Đức Hộ-Pháp và ngài Cao Tiếp Đạo phò loan, thâm vào hàng môn đệ (tháng 6 năm 1927)

- Ân phong Lễ Sanh ngày 27-7-1927 (â. 29-6

Đinh Mão)

- Thăng Giáo Hữu ngày 2-4-1930 (âl. 4-3 Canh Ngọ)
- Thăng Giáo Sư ngày 21-3-1932 (âl. 15-2 Nhâm Thìn)
- Thăng Phối Sư ngày 15-2-1948 (âl. 7-4 Mậu Tý)

KHỔ HẠNH VÌ ĐẠO

- **BỊ VIỆT-MINH BẮT:** 9-10-1945 (âl. 4-9 Ất Dậu)
 - **PHÁ KHÁM TỰ DO:** 26-1-1946 (ÂL. 24-12 Ất Dậu)... 107 ngày
 - **VỀ TỚI SAIGON:** 11-2-1946 (âl. 10-1 Bính Tuất)... 15 ngày
- **CÔNG AN PHÁP BẮT:** 8-5-1946 (âl. 8-4 Bính Tuất)
 - **TRẢ TỰ DO:** 30-5-1946 (âl. 30-4 Bính Tuất)... 22 ngày
- **LIÊN MINH BẮT:** 1-11-1953 (âl. 25-9 Quý Tỵ)
 - **TRẢ TỰ DO:** 18-4-1954 (âl. 16-4 Giáp Ngọ)... 168 ngày
- Tổng cộng những ngày khổ hạnh vì Đạo... 312 ngày (10 tháng lẻ 12 ngày).

CÔNG NGHIỆP TẠI HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO

- Từ ngày Đức Chí-Tôn giáng cơ phong chức Lễ Sanh, ngày 29 tháng Năm Đinh Mão (dl. 27-7-1927), chuyên lo hành Đạo tại Kim Biên và tạo dựng Hội Thánh Ngoại Giáo.
- Ngày 2-4-1930, thăng Giáo Hữu, trách nhiệm

Quản Lý Nội Viện.

- Năm 1931, sang Pháp Quốc mở Đạo, phổ độ được tất cả 15 người, trong số này có nhiều vị được tôn phong vào hàng Chức Sắc năm 1932 kể tên sau đây :
 - **TIẾP DẪN ĐẠO NHƠN:** Ông Gabriel Gobron
 - **NỮ GIÁO SƯ:** Bà Felicien Challaye
 - **GIÁO HỮU:** Ông Charles Bellan
 - **GIÁO HỮU:** Ông Gabriel Abadie de Lestrac
 - **NỮ LỄ SANH:** Bà Gabriel Gobron, sau thăng Giáo Hữu

Ngoài việc phổ thông, còn lo binh vực Đạo Cao-Đài được kết quả mỹ mãn : tự do tín ngưỡng được Chánh Phủ Pháp nhìn nhận. Lúc Giáo Hữu Thượng Vinh Thanh sang Pháp trở về, nhân ngày vía Đức Chí Tôn năm 1932, sau thời cúng Đại Đàn, được Anh Cả Quyền Giáo Tông, Đức Hộ-Pháp, các Chức Sắc và toàn cả Đàn hoan nghênh nhiệt liệt.

- Ngày 21-3-1932, thăng Giáo Sư, trách nhiệm Phó Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo.
- Năm 1937, lãnh trách nhiệm Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo.
- Từ năm 1942 tới năm 1952, trở về Nam Kỳ, tuân lệnh Đức Lý Đại Tiên và Đức Quyền Giáo Tông, hiệp tác với Quân Đội Thiên Hoàng, đảo chánh Pháp ngày 9-3-1945.

PHỔ THÔNG NGOẠI QUỐC

Pháp Quốc: Do nơi sự can thiệp của Phối Sư

THƯỢNG VINH THANH, nên ngày 3-5-1967 (âl. 24-4 Đỉnh Mùi) Hội Thánh Hiệp Thiên Đài biểu quyết ban phẩm Lễ Sanh tạm phong cho bà Lê Kim Huê và từ đây tại Paris (Pháp Quốc) đã có tiểu Thánh Thất ở số 12 đường Francois Xavier, Paris 5è.

Congo (Phi Châu): Ngày 22-3-1966 (âl. 1-3 Bính Ngọ) Phối Sư THƯỢNG VINH THANH đã phổ thông tại đây được 32 đạo hữu nam nữ.

Ngày 7-2-1972, có tin Bàn Trị Sự Congo cho hay rằng số tín đồ đã lên 100.

Bàn Trị Sự Congo đã thành lập ngày 1-4-1967 (âl. 22-2 Đỉnh Mùi) gồm 8 Chức Việc nam phái và 2 Chức Việc nữ phái.

Chánh Trị Sự tên Mata Georges, địa chỉ: B. P. 1371, Kinshasa (R. D. du Congo).

CÔNG NGHIỆP TẠI TÒA THÁNH TÂY NINH

Ngày 12-2-1952 (âl. 17-1 Nhâm Thìn), trong phiên nhóm Đại Hội các Cơ Quan Đạo dưới quyền chủ tọa của Đức Hộ-Pháp, được ủy quyền: Phối Sư Cổ Vấn Hành Chánh Đạo kiêm Thượng Thống Hộ Viện.

- Thánh lệnh số 59 ngày 12-3-1952 (âl. 17-2 Nhâm Thìn)
 - Cổ Vấn Cho Chỉ Huy Cơ Thánh Vệ
- Thánh lệnh số 76 ngày 25-4-1952 (âl. 2-4 Nhâm Thìn)
 - Trưởng Ban Kinh Tế
- Thánh lệnh số 95 ngày 28-6-1952 (âl. 7-5 Nhuận)

Nhâm Thìn)

– Nghị Trưởng Hội Đồng Tối Cao

- Thánh lệnh số 41 VPHP ngày 25-1-1953 (âl. 12-1 Quý Tỵ)

– Tổng Giám Đốc Ban Kinh Tế Trung Ương

- Thánh lệnh số 65 ngày 26-3-1953 (âl. 12-2 Quý Tỵ)

– Tài Thơ Lệnh Hành Chánh Đạo: Thay quyền 3 Chánh Phối Sư tiếp quan khách và đi dự các Hội nhóm ngoài Đời khi có thư mời.

- Thánh lệnh số 30/TL ngày 20-1-1964 (âl. 6-12 Quý Mão)

– Trưởng Ban Phổ Tế Hải Ngoại

- **NGOÀI RA CÒN LÃNH TRÁCH NHIỆM:**

– Đại Biểu Đạo Cao-Đài (1942-1946)

– Đại Diện Đức Hộ Pháp về mặt Quân Sự (1947-1951)

- Ngày 1-11-1953 (âl. 25-9 Quý Tỵ), bị tai nạn Liên-Minh nên việc hành Đạo đứt đoạn một thời gian.

- Ngày 30-10-1961 (âl. 21-9 Tân Sửu), trở về Tòa Thánh hành Đạo, lãnh trách nhiệm sau đây:

– Phối Sư Đặc Nhiệm: Giao thiệp với Chánh Phủ và Chánh Quyền địa phương, giao thiệp với Quốc Tế, giao thiệp với Chi Phái.

– Trưởng Ban Huấn Đạo: Cố vấn cho ba vị Chánh Phối Sư (Cố Vấn Hành Chánh Đạo)

Nhiệm vụ trên đây chấm dứt do bài Thánh Giáo của Đức Lý Giáo Tông giảng tại Cung Đạo Tòa Thánh Tây

Ninh đêm rằm tháng Tư năm Giáp Thìn (dl. 26-3-1964).

LÝ LỊCH VỀ PHẦN ĐỜI

Trần Quang Vinh, sanh tại Long Xuyên ngày 8-9-1897.

- Cựu sinh viên tốt nghiệp trường Chasseloup-Laubat, Saigon.
- **CÔNG CHỨC:** Thông Phán ngạch Chánh Phủ Pháp Bảo Hộ tại Nam Vang (Cao Miên).
- Công Cán tại Pháp Quốc nhân dịp Đấu Xảo Quốc Tế tại Vincennes (Paris) năm 1931.
- Sáng lập Quân Đội Cao Đài năm 1943 Đệ Nhứt Tổng Tư Lệnh.
- Bộ Trưởng Quốc Phòng trong Chánh Phủ Nguyễn Văn Xuân từ 1-6-1948 đến 30-6-1949 và trong Chánh Phủ Bảo Đại từ ngày 1-7-1949 đến 31-1-1950.
- Tổng Trưởng Bộ Quân Lực trong Chánh Phủ Trần Văn Hữu từ ngày 6-5-1950 đến 28-2-1951.
- Công Cán Chánh Phủ về Quân Sự tại Pháp Quốc trong thời gian 6 tháng kể từ 9-3-1951.
- Phó Chủ Tịch Thượng Hội Đồng Quốc Gia từ ngày 24-9-1964 đến ngày 19-12-1964.
- Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quốc Gia Lập Pháp từ ngày 17-2-1965 đến ngày 19-6-1965.

Tòa Thánh Tây Ninh

Ngày rằm tháng 4 năm Nhâm Tý (dl. 27-5-1972)

TRẦN QUANG VINH

Đạo Hiệu HIỂN TRUNG

Hồi Ký
CỦA PHỎI SƯ
THƯỢNG VINH THANH
ĐẠO HIỆU HIỂN-TRUNG [1972]